

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PVR HÀ NỘI

(PVR)

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0500547376 do Sở Kế hoạch và Đầu tư

Thành phố Hà Nội cấp đăng ký thay đổi lần thứ 16, ngày 07/08/2018)

☞ Báo cáo thường niên này được cung cấp tại:

Văn phòng giao dịch Công ty Cổ phần Đầu tư PVR Hà Nội

- Lô HH, Khu đô thị Trung Văn, Đường Tố Hữu, Phường Trung Văn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội
- Điện thoại: 0914919699
- Websites: www.pvr.vn

☞ Phụ trách công bố thông tin

Họ tên : Ông Đỗ Duy Điền
Chức vụ : Tổng giám đốc
Điện thoại : 0914919699

Hà Nội, tháng 03 năm 2023

MỤC LỤC

| | | |
|-------------|--|-----------|
| I | Thông tin chung | 1 |
| 1. | Thông tin khái quát | 1 |
| 2. | Quá trình hình thành và phát triển | 1 |
| 3. | Ngành nghề và địa bàn kinh doanh | 2 |
| 4. | Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý | 3 |
| 5. | Định hướng phát triển | 3 |
| 6. | Các rủi ro | 4 |
| II. | Tình hình hoạt động trong năm | 5 |
| 1. | Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh | 5 |
| 2. | Tổ chức và nhân sự | 6 |
| 3. | Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án | 8 |
| 4. | Tái cơ cấu danh mục đầu tư và xử lý công nợ | 9 |
| 5. | Tình hình tài chính | 9 |
| 6. | Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu | 10 |
| 7. | Báo cáo liên quan đến môi trường và xã hội của công ty | 11 |
| III. | Báo cáo và đánh giá của Ban giám đốc | 11 |
| 1. | Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh | 11 |
| 2. | Tình hình tài chính | 11 |
| 3. | Những cải tiến về cơ cấu, tổ chức, chính sách, quản lý | 12 |
| 4. | Kế hoạch phát triển trong tương lai | 12 |
| 5. | Giải trình của Ban giám đốc đối với ý kiến của kiểm toán | 13 |
| IV. | Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của công ty | 15 |
| 1. | Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của công ty | 15 |
| 2. | Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban giám đốc công ty | 15 |
| 3. | Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị | 16 |
| V. | Quản trị công ty | 16 |
| 1. | Hội đồng quản trị | 16 |
| 2. | Ban kiểm soát | 20 |
| 3. | Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BGD và BKS | 23 |
| VI. | Báo cáo tài chính được kiểm toán | 24 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
PVR HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----***-----

Số: 28/BCTN-PVR

Hà Nội, ngày 03 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

I. Thông tin chung:

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Đầu tư PVR Hà Nội
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0500547376
- Vốn điều lệ: 531.009.130.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 470.789.620.578 đồng
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 143 ngõ 85 Phố Hạ Đình, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội
- Văn phòng giao dịch: Lô HH, Khu đô thị Trung Văn, đường Tố Hữu, Phường Trung Văn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội
- Số điện thoại: 0914919699
- Website: www.pvr.vn
- Mã cổ phiếu: PVR

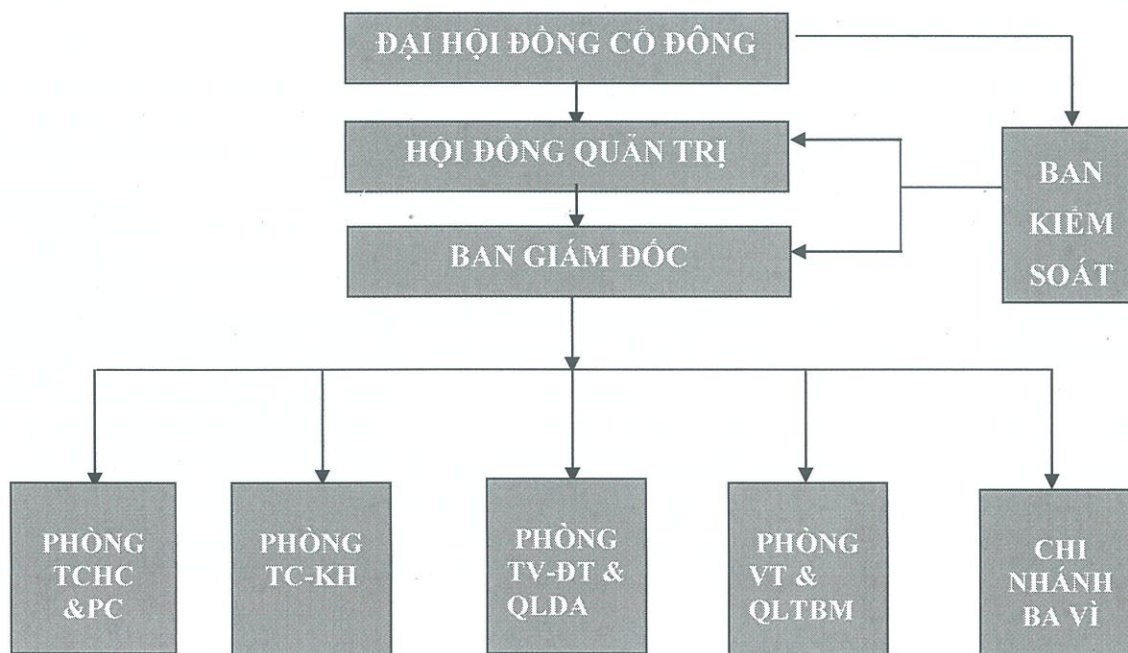
2. Quá trình hình thành và phát triển:

+ Trước những yêu cầu của thực tế khách quan, phù hợp với định hướng phát triển đa ngành đa nghề, Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam đã xác định cần có một đơn vị chuyên nghiệp của ngành Dầu khí đảm nhận lĩnh vực kinh doanh bất động sản; kinh doanh các dịch vụ cao cấp như sân Golf, resort, khu vui chơi giải trí; kinh doanh các hoạt động thể thao... Bên cạnh đó, địa bàn Hà Nội chưa có một khu du lịch cao cấp tầm cỡ quốc tế nhằm phục vụ nhu cầu người dân Thủ đô và khách du lịch trong và ngoài nước khi đến thăm quan hay tham gia hội nghị, hội thảo. Do đó, PVR đã được thành lập với tên ban đầu là Công ty cổ phần Dầu khí Tản Viên với mục tiêu chính là phát triển dự án Hồ Suối Hai, Tản Viên, Hà Tây (nay thuộc Hà Nội mở rộng) thành khu du lịch nghỉ dưỡng tầm cỡ quốc tế nhằm đáp ứng các mục đích trên.

-
- + Ngày 17/11/2006, Công ty cổ phần Dầu khí Tân Viên được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tây cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303000579, với vốn điều lệ ban đầu là 150 tỷ đồng với cổ đông sáng lập là các Công ty, đơn vị trong ngành Dầu khí và các tổ chức khác như sau:
 - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN)
 - Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC)
 - Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam (PVI)
 - Công ty Tài chính cổ phần Dầu khí Việt Nam (PVFC)
 - Công ty Cổ phần Kỹ thuật Dịch vụ Dầu khí (PTSC)
 - Ngân hàng TMCP Dầu khí toàn cầu (GP BANK)
 - Công ty Đầu tư & Thương mại Hệ thống Quốc tế (NETTRA)
 - + Tháng 02/2008, Công ty cổ phần Dầu khí Tân Viên đổi tên thành Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam (PVR), với Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103034347 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Tây cấp.
 - + Ngày 09/12/2009 Công ty chuyển trụ sở về Hà Nội nên đã thay đổi giấy phép đăng ký kinh doanh do Sở KHĐT Hà Nội cấp số 0103034347.
 - + Ngày 25/03/2010 Công ty chuyển trụ sở về Quảng Ninh nên đã thay đổi giấy phép đăng ký kinh doanh do Sở KHĐT Tỉnh Quảng Ninh cấp số 0500547376 và được cấp đổi lần thứ 7 ngày 19/08/2010.
 - + Ngày 05/03/2012 Công ty chuyển trụ sở về Hà Nội nên đã thay đổi giấy phép đăng ký kinh doanh do Sở KHĐT Thành phố Hà Nội cấp số 0500547376.
 - + Ngày 07/08/2018, Công ty cổ phần Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam đổi tên thành Công ty cổ phần Đầu tư PVR Hà Nội và chuyển trụ sở về Số 143 ngõ 85 Phố Hạ Đình, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội với Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0500547376 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 16.
3. **Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:** Công ty tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực được pháp luật cho phép và không trái với quy định của pháp luật.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY



5. Định hướng phát triển

5.1 Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- Phát triển PVR thành một Công ty có vị thế và thương hiệu trên thị trường, theo hướng lĩnh vực hoạt động trọng tâm là Đầu tư, Thi công các dự án Bất động sản và dịch vụ du lịch thể thao kết hợp nghỉ dưỡng cao cấp, đem lại lợi ích cao nhất cho cổ đông và nhà đầu tư.
- Phát triển PVR thành đối tác tin cậy thông qua hình thức liên doanh, liên kết và hợp tác với các đơn vị có năng lực, uy tín trong & ngoài nước nhằm mở rộng thị trường, quy mô, giá trị thương hiệu và không ngừng nâng cao năng lực cạnh tranh, trình độ quản lý.

5.2 Chiến lược phát triển trung hạn (giai đoạn 2021 đến 2025):

- Đối với lĩnh vực Đầu tư phát triển các dự án Bất động sản:

Đây là lĩnh vực chính của Công ty giai đoạn 2021 - 2025, PVR triển khai thực hiện theo hướng Đầu tư và hợp tác đầu tư tập trung chính vào nhóm các sản phẩm từ các Dự án của Công ty đang triển khai như sau:

- Nhà chung cư để bán hoặc cho thuê;
- Nhà ở thấp tầng;
- Văn phòng & Trung tâm thương mại, Dịch vụ tầng hầm cho thuê;

- Tổ hợp khu nghỉ dưỡng, thể thao, vui chơi, giải trí;
- Đối với các lĩnh vực hoạt động khác:
 - Hoạt động đầu tư tài chính:
PVR chủ trương không đầu tư dàn trải, đối với các khoản đầu tư tài chính đang tồn tại, Công ty đang nghiên cứu, xem xét lập phương án và lựa chọn thời điểm thoái vốn hợp lý để bảo toàn tối đa và tập trung được nguồn vốn cho hoạt động Đầu tư các dự án Bất động sản mà Công ty đang triển khai.
 - Hoạt động kinh doanh khác:
- Tối đa hóa nguồn lực hiện có về con người, lĩnh vực đầu tư, thi công các dự án Bất động sản đang triển khai để nghiên cứu, xem xét tham gia hoạt động sản xuất, kinh doanh nguyên vật liệu xây dựng trên cơ sở hợp tác kinh doanh với các đơn vị sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng có uy tín và năng lực trên thị trường.

5.3 Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty.

- Đối với môi trường: Đối với môi trường bên ngoài Công ty cạnh tranh lành mạnh bằng năng lực, trình độ, sự chuyên nghiệp, các sản phẩm chất lượng với giá hợp lý. Đối với môi trường bên trong, PVR khuyến khích sự phát triển và thành công của mỗi cá nhân, là nơi hội tụ các thành viên xuất sắc, tạo cơ hội nâng cao trình độ và công ăn việc làm, nguồn thu nhập ổn định cho cán bộ nhân viên.
- Đối với xã hội và cộng đồng: Với tinh thần phát triển Doanh nghiệp đồng hành với phát triển xã hội, PVR luôn đóng góp tích cực vào các hoạt động xã hội, thể hiện tinh thần trách nhiệm đối với đất nước và coi đó là truyền thống văn hóa tốt đẹp. Cung cấp các sản phẩm - dịch vụ cao cấp với chất lượng đảm bảo như cam kết, mang tính độc đáo, sáng tạo với giá hợp lý nhằm thỏa mãn tối đa nhu cầu khách hàng.

6. Các rủi ro:

Trước thực trạng thị trường bất động sản gặp rất nhiều khó khăn về thanh khoản, tín dụng, ... hàng loạt doanh nghiệp phá sản, nhiều dự án có nguy cơ tạm dừng do thiếu vốn, không bán được hàng, chủ đầu tư bỏ dở... đã ảnh hưởng không nhỏ đến tâm lý của khách hàng, PVR cũng không nằm ngoài vòng xoáy đó và đã nảy sinh tình trạng khiếu nại của một số khách hàng, khó khăn trong việc thu xếp nguồn tài chính cho các hoạt động SXKD... Trước thực trạng đó, PVR nhìn nhận một số rủi ro trong hoạt động sản xuất, kinh doanh trong giai đoạn 2021 đến 2025 như sau:

- Về nguồn vốn: Khó khăn, rủi ro trong việc thu xếp nguồn vốn để tiếp tục triển khai các Dự án Bất động sản. Trước thực trạng đó, PVR đã tiếp xúc, đàm phán với các tổ chức tín dụng, ngân hàng đề xuất phương án vay vốn tối ưu nhất với hạn mức đáp ứng được nhu cầu vốn

cho Dự án, đồng thời làm việc với các đối tác khác để cùng hợp tác kinh doanh, triển khai đầu tư các Dự án, tuy nhiên vẫn chưa đem lại kết quả khả thi do các tổ chức tín dụng cũng rất hạn chế cho vay đối với lĩnh vực bất động sản thời điểm này, thêm đó là Công ty không có tài sản thế chấp cho các khoản vay trung và dài hạn do chưa có đủ hồ sơ pháp lý liên quan. Vì vậy Công ty đang gặp khó khăn trong việc huy động nguồn vốn vay. Ngoài ra, PVR cũng nghiên cứu phương án tiếp xúc với khách hàng, minh bạch các thông tin về Dự án, tạo sự tin tưởng, ủng hộ của khách hàng để cùng chia sẻ khó khăn và tìm kiếm phương án hài hòa lợi ích của các bên nhằm hướng đến mục tiêu có được nguồn tài chính để hoàn thành Dự án mà khách hàng đã tham gia với Công ty.

- Về sản phẩm: Sản phẩm hình thành từ hoạt động đầu tư Bất động sản là sản phẩm có tính đặc thù riêng như: giá trị thanh khoản lớn, thời gian đầu tư và khai thác kéo dài, chịu sự chi phối bởi nhiều chính sách quản lý liên quan của Chính phủ. Qua đó, tính thanh khoản của sản phẩm này chịu ảnh hưởng, rủi ro bởi rất nhiều yếu tố tại từng thời điểm như: Giá bán, đặc điểm sản phẩm (diện tích, kiến trúc, ...), tác động của chính sách quản lý của Nhà nước, tâm lý khách hàng, sự phát triển của nền kinh tế chung, ... và do vậy, để giảm thiểu rủi ro, trong quá trình đầu tư, xây lắp sản phẩm, PVR sẽ chủ động linh hoạt trong các phương án đầu tư, điều chỉnh đặc điểm sản phẩm, điều chỉnh chính sách bán hàng phù hợp với thị trường và pháp luật... để tối ưu hóa hiệu quả hoạt động, giảm thiểu rủi ro ứ đọng nguồn vốn Đầu tư.

II. Tình hình hoạt động trong năm:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Do ảnh hưởng của Đại dịch Covid-19 bùng phát kéo dài suốt từ đầu năm 2020 dẫn đến nền kinh tế nước ta nói chung và Công ty nói riêng vẫn bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Trong năm Công ty chỉ tập trung thu hồi các khoản đầu tư tài chính để có nguồn trang trải chi phí hoạt động Công ty. Việc triển khai thực hiện các chỉ tiêu kinh tế năm 2022 so với kế hoạch sản xuất kinh doanh được ĐHCĐ thông qua của Công ty PVR chưa đạt được kết quả. Cụ thể như sau:

- Dự án Khu du lịch quốc tế cao cấp Tản Viên: Ngày 20/07/2019, Công ty nhận được văn bản của Sở Kế hoạch vàĐT TP Hà Nội số 3753/KH&ĐT-NNS về việc chấm dứt hoạt động dự án đầu tư xây dựng Khu du lịch quốc tế cao cấp Tản Viên và thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư Dự án, nên Công ty đã dừng mọi hoạt động liên quan đến Dự án.
- Dự án CT10-11 Văn Phú, Hà Đông, Hà Nội:
 - + Hiện tại, Dự án vẫn tạm dừng thi công dự án, tập trung giải quyết và hoàn thiện toàn bộ pháp lý còn sai sót, vướng mắc, tồn tại của Dự án đã thi công trước đây không đúng với quy hoạch được duyệt, chưa được thẩm duyệt phòng cháy chữa cháy.

- + Mặt khác Công ty vẫn tiếp xúc khách hàng, đưa ra nhiều phương án tháo gỡ khó khăn để làm cơ sở tiếp tục triển khai Dự án. Tuy nhiên, hầu hết khách hàng không hợp tác, có nguyện vọng xin rút vốn và thanh lý Hợp đồng và phạt vi phạm Hợp đồng, kiên quyết không nộp tiền do Dự án đã quá chậm tiến độ, do vậy việc tiếp tục triển khai Dự án gặp rất nhiều khó khăn.
- Khoản đầu tư tại Công ty cổ phần đầu tư Bình An liên quan đến Dự án số 9 Trần Thánh Tông cũng chưa tìm được đối tác mua/chuyển nhượng lại số cổ phần Công ty nắm giữ.

Tình hình thực hiện chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận năm 2022

Đơn vị: Tỷ đồng

| STT | Chỉ tiêu | Thực hiện 2021 | Kế hoạch 2022 | Thực hiện 2022 |
|-----|-----------------------------------|----------------|---------------|----------------|
| 1 | Doanh thu | 7,12 | 5,5 | 0 |
| 2 | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 1,72 | 0,8 | (3,83) |

2. Tổ chức và nhân sự

2.1 Danh sách Ban điều hành:

Ông Đỗ Duy Điền - Tổng Giám đốc tái bổ nhiệm ngày 29/06/2022 do hết nhiệm kỳ

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 03/06/1980
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Xã Điền Xá, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định
- Địa chỉ thường trú : Số nhà 95, ngõ 189 Hoàng Hoa Thám, phường Liễu Giai, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
- Số CMTND : 162267949 do Công an Nam Định cấp ngày 09/10/2012
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Xây dựng
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu tư PVR Hà Nội
- Quá trình công tác:
 - 2002 - 2003: Cán bộ kỹ thuật - Công ty XD số 4 - Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội;
 - 2004 - 2005: Chỉ huy công trình Công ty CP Đầu tư Xây lắp Sông Đà;

- 2006 - 2009: Đội trưởng Đội 2 Công ty CP Đầu tư – Xây dựng Econ;
- 2010 - 2012: Đội trưởng Đội XDCT Công ty CP Đầu tư và TM Dầu khí Sông Đà
- 2012 - 2015: Tổng Giám đốc Công ty CP Xây dựng Hạ Đình
- Tháng 12/2015 - 2016: Chỉ huy công trình Công ty CP Đầu tư MHD Vina
- Tháng 10/2016 - nay: Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu tư PVR Hà Nội
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân : 2.500 cổ phần
 - + Sở hữu đại diện cho tổ chức : 0 cổ phần
 - + Những người có liên quan : 0 cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Bà Khúc Thị Thanh Huyền - Bổ nhiệm Kế toán trưởng ngày 29/06/2022

- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 09/10/1979
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Yên Mỹ, Thanh Trì, Hà Nội
- Địa chỉ thường trú : Xóm 5, xã Yên Mỹ, Thanh Trì, Hà Nội
- Số CCCD : 001179024518 do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 16/04/2021
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kế toán
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Kế toán trưởng Công ty CP Đầu tư PVR Hà Nội
- Quá trình công tác:
 - 2001 – 4/2016: Nhân viên Kế toán/Kế toán trưởng Công ty TNHH, Công ty CP
 - Tháng 4/2016 - Tháng 10/2016: Tổng Giám đốc Công ty CP Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam (Nay là Công ty cổ phần Đầu tư PVR Hà Nội)
 - Tháng 11/2016 – 1/2018: Chủ tịch HĐQT/Kế toán trưởng Công ty CP Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam (Nay là Công ty cổ phần Đầu tư PVR Hà Nội)
 - Tháng 1/2018 – 2/2019: Thành viên HĐQT/Kế toán trưởng Công ty cổ phần Đầu tư PVR Hà Nội

- Tháng 2/2019 – 7/2020: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Đầu tư PVR Hà Nội
- Từ ngày 11/07/2020 đến nay: Kế toán trưởng Công ty cổ phần Đầu tư PVR Hà Nội
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân : 2.539.400 cổ phần
 - + Sở hữu đại diện cho tổ chức : 0 cổ phần
 - + Những người có liên quan : 0 cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

2.2. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động:
(tại thời điểm 31/12/2022)

| Loại lao động | Số lượng | Tỷ lệ (%) |
|--|----------|------------|
| Theo trình độ học vấn | | |
| - Trên đại học | 0 | 0 |
| - Đại học | 5 | 100 |
| - Cao đẳng, trung cấp | 0 | 0 |
| - Lao động phổ thông | 0 | 0 |
| Tổng số | 5 | 100 |
| Phân theo tính chất hợp đồng lao động | | |
| - Hợp đồng không xác định thời hạn | 5 | 100 |
| - Hợp đồng xác định thời hạn | 0 | 0 |
| - Hợp đồng thử việc | 0 | 0 |
| Tổng số | 5 | 100 |

3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án:

3.1 Dự án CT10-11 Văn Phú, Hà Đông, Hà Nội:

Dự án được triển khai xây dựng từ năm 2010 và theo dự kiến ban đầu sẽ bàn giao cho khách hàng trong năm 2014. Tuy nhiên, trong quá trình thi công xây dựng do công tác bàn giao mặt bằng, tiến độ góp vốn của khách hàng chậm so với dự kiến và một số nguyên nhân khác dẫn đến trình trạng chậm tiến độ thi công. Trong năm 2022, Dự án vẫn chưa thể triển khai lại do 1 số nguyên nhân sau: Công ty không thể thu xếp được nguồn lực tài chính do 1 số cổ đông cũ của Công ty có liên quan đến Ngân hàng TM TNHH MTV Đại

Dương (Oceanbank) dẫn đến Dự án không thể thế chấp tại các tổ chức tín dụng để vay vốn thi công được, đồng thời khách hàng không tiếp tục nộp tiền, hồ sơ về phòng cháy chữa cháy chưa đảm bảo quy định. Dự án vẫn tạm dừng thi công.

3.2 Dự án Khu du lịch quốc tế cao cấp Tản Viên (nay đổi tên thành Dự án Khu du lịch quốc tế cao cấp Ba Vì):

Ngày 20/07/2019, Công ty nhận được văn bản của Sở Kế hoạch và ĐT TP Hà Nội số 3753/KH&ĐT-NNS về việc chấm dứt hoạt động dự án đầu tư xây dựng Khu du lịch quốc tế cao cấp Tản Viên và thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư Dự án, nên Công ty đã dừng mọi hoạt động liên quan đến Dự án.

4. Tái cơ cấu danh mục đầu tư và xử lý công nợ:

Theo phương án tái cơ cấu danh mục đầu tư và xử lý công nợ năm 2022 đã được ĐHĐCĐ thông qua, PVR đã thu hồi được 1 phần khoản đầu tư tài chính giảm bớt gánh nặng về tài chính trong năm, và sẽ tiếp tục làm việc với các đối tác để xử lý các khoản công nợ phải thu, phải trả đối với từng khoản mục theo phương án đã được thông qua, một số nội dung tái cơ cấu danh mục đầu tư cụ thể:

- Do thị trường chứng khoán thuận lợi, Công ty đã bán cổ phần thu hồi một phần vốn đầu tư vào Công ty cổ phần đầu tư PV2 (mã chứng khoán: PV2) và Công ty cổ phần đầu tư xây dựng thương mại Dầu khí IDICO Long Sơn (Mã chứng khoán: PXL) bằng hình thức khớp lệnh thị trường.

- Đối với khoản đầu tư tài chính Dự án số 9 Trần Thánh Tông, Nghị quyết ĐHĐCĐ Công ty năm trước đây đã giao HĐQT bán toàn bộ cổ phần PVR đang nắm giữ tại Công ty Bình An. Tuy nhiên, Công ty vẫn chưa tìm được đối tác nhận chuyển nhượng số cổ phần mà Công ty PVR đang nắm giữ tại Bình An. Mặt khác, theo ý kiến của Công ty TNHH Kiểm toán AASC về khoản đầu tư của PVR tại Công ty Bình An do không xác định được tính đầy đủ và chính xác của việc ghi nhận giá trị khoản đầu tư vào Công ty Bình An. Mặc dù PVR đã tích cực gửi văn bản yêu cầu Công ty Bình An cung cấp bộ Báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2018; 31/12/2019; 31/12/2020; 31/12/2021; 31/12/2022 nhưng không nhận được phản hồi, vì vậy PVR chưa thu thập được Báo cáo tài chính của Công ty Bình An để có cơ sở cho việc trích lập dự phòng cho khoản đầu tư tài chính này. Đây là một nội dung làm cơ sở cho việc kiểm toán AASC từ chối đưa ra ý kiến đối với BCTC của Công ty từ các năm trước và năm 2022.

5. Tình hình tài chính

5.1 Tình hình tài chính:

| Chỉ tiêu | Năm 2021 (đồng) | Năm 2022 (đồng) | Tăng/Giảm |
|----------------------------|-----------------|-----------------|-----------|
| Tổng giá trị tài sản | 997.741.987.249 | 982.525.552.385 | (1,5)% |
| Doanh thu thuần | 7.121.391.800 | 0 | % |
| Lợi nhuận từ hđ kinh doanh | 1.864.970.507 | (3.826.198.330) | (305,2)% |
| Lợi nhuận khác | (145.227.543) | 0 | % |
| Lợi nhuận trước thuế | 1.719.742.964 | (3.826.198.330) | (322,5)% |
| Lợi nhuận sau thuế | 1.719.742.964 | (3.826.198.330) | (322,5)% |
| Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức | 33 | (74) | (324,2)% |

5.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

| Chỉ tiêu | 2021 | 2022 | Ghi chú |
|---|--------|---------|---------|
| Chỉ tiêu về khả năng thanh toán | | | |
| + Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSNH/Nợ ngắn hạn | 1,40 | 1,41 | |
| + Hệ số thanh toán nhanh (Tiền + Đầu tư TC ngắn hạn/NNH) | 0,005 | 0,004 | |
| Tiền tương đương tiền+ĐTTTCNH+PTNH/NNH | 0,05 | 0,05 | |
| Chỉ tiêu về cơ cấu vốn | | | |
| + Hệ số nợ /Tổng tài sản (NPT/TTS) | 0,53 | 0,52 | |
| + Hệ số nợ /Vốn chủ sở hữu (NPT/VCSH) | 0,992 | 1,104 | |
| Chỉ tiêu về năng lực hoạt động | | | |
| + Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn/HTKbq | | | |
| +Doanh thu thuần/Tổng tài sản | 0,0071 | 0 | |
| Chỉ tiêu về khả năng sinh lời | | | |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | 0,242 | 0 | |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu | 0,004 | (0,008) | |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản | 0,002 | (0,004) | |
| + Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần | 0,262 | 0 | |

6. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

6.1 Cổ phần:

- Số lượng cổ phần đang lưu hành: 51.906.713 cổ phần
- Số lượng cổ phần chuyên nhượng tự do: 53.100.913 cổ phần
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 1.194.200 cổ phần

6.2 Cơ cấu cổ đông:

Cơ cấu cổ đông của công ty tại ngày 20/04/2022

| Stt | Phân loại | Số lượng cổ đông | Số cổ phần | Giá trị (đồng) | Tỷ trọng (%) |
|-----------|--------------|---------------------|------------|-----------------|-----------------|
| 1 | Trong nước | 5.551 | 51.850.213 | 518.502.130.000 | 97,645 |
| - | Tổ chức | 20 | 17.712.902 | 177.129.020.000 | 33,357 |
| - | Cá nhân | 5.531 | 34.137.311 | 341.373.110.000 | 64,288 |
| 2 | Nước ngoài | 2 | 56.500 | 565.000.000 | 0,106 |
| - | Tổ chức | 1 | 26.500 | 265.000.000 | 0,050 |
| - | Cá nhân | 1 | 30.000 | 300.000.000 | 0,056 |
| 3 | Cổ phiếu quỹ | 1 | 1.194.200 | 11.942.000.000 | 2,249 |
| Tổng cộng | | 5.554 | 53.100.913 | 531.009.130.000 | 100 |

6.3 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không

6.4 Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không

6.5 Các chứng khoán khác: không

7. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Trong năm 2022; Lợi nhuận trước thuế lỗ 3,83 tỷ đồng. Việc lỗ chủ yếu do trong năm Công ty không phát sinh Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ nhưng lại trích lập dự phòng các khoản đầu tư tài chính.

2. Tình hình tài chính

Giá trị sổ sách

Đơn vị: đồng

| STT | Khoản mục | Tại ngày 31/12/2021 | Tại ngày 31/12/2022 | Tăng/giảm |
|----------|-----------------------|------------------------|------------------------|---------------|
| 1 | Tổng tài sản | 997.741.987.249 | 982.525.552.385 | (1,5)% |
| 1.1 | Tài sản ngắn hạn | 728.031.731.800 | 726.218.356.526 | (0,25) |
| 1.2 | Tài sản dài hạn | 269.710.255.449 | 256.307.195.859 | (4,97) |
| 2 | Tổng nguồn vốn | 997.741.987.249 | 982.525.552.385 | (1,53) |
| 2.1 | Nợ phải trả | 526.952.366.671 | 515.562.130.137 | (2,16) |
| 2.2 | Vốn chủ sở hữu | 470.789.620.578 | 466.963.422.248 | (0,81) |

(Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2021, 2022)

Các chỉ số tài chính chủ yếu

| TT | Chỉ tiêu | ĐVT | 2020 | 2021 | 2022 |
|----------|--|-----|-------|------|-------|
| 1 | Chỉ tiêu về khả năng thanh toán | | | | |
| 1.1 | Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSNH/NNH) | Lần | 1,44 | 1,40 | 1,41 |
| 1.2 | Hệ số thanh toán nhanh (Tiền + Đầu tư TC ngắn hạn/NNH) | Lần | 0,05 | 0,05 | 0,004 |
| 2 | Chỉ tiêu về cơ cấu vốn | | | | |
| 2.1 | Nợ phải trả/Tổng tài sản | % | 53 | 53 | 52,5 |
| 2.2 | Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu | % | 99,7 | 99,2 | 110,4 |
| 3 | Chỉ tiêu về khả năng sinh lời | | | | |
| 3.1 | Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu | % | (1,3) | 0,4 | (0,8) |
| 3.2 | Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản | % | (0,6) | 0,2 | (0,4) |

(Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2021, 2022)

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Năm 2022 là năm nền kinh tế được dự báo tiếp tục có những diễn biến bất thường theo chiều hướng không tích cực do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 khởi nguồn từ năm 2020 và vẫn kéo dài đến 2023 chưa có dấu hiệu suy giảm, đặc biệt trong lĩnh vực đầu tư Bất động sản, là hoạt động chính của Công ty trong những năm qua. Trước nhận định đó, trên cơ sở các nguồn

lực hạn chế hiện có, Công ty PVR xác định mục tiêu hoạt động cơ bản như sau:

4.1 Các chỉ tiêu kinh tế kế hoạch năm 2023:

Đơn vị: tỷ đồng

| Stt | Chỉ tiêu kinh tế | KH năm 2022 | TH năm 2022 | KH năm 2023 | Ghi chú |
|-----|------------------|-------------|-------------|-------------|---------|
| 1 | Doanh thu | 2,0 | 0 | 0 | |
| 2 | Lợi nhuận TT | 0,5 | (3,8) | (2,0) | |
| 3 | Tổng Quỹ lương | 1,0 | 0,4 | 0,0 | |

Ghi chú: Chưa tính đến các khoản trích lập dự phòng các khoản đầu tư

4.2 Đối với các lĩnh vực đầu tư dự án Bất động sản:

4.2.1 Dự án CT10-11 Văn Phú, Hà Đông, Hà Nội:

Trong năm 2023, Dự án vẫn tiếp tục dừng thi công. Công ty PVR vẫn tiếp tục nỗ lực tìm khách hàng để bán nốt các căn hộ còn lại tại Dự án hoặc đàm phán với các tổ chức tín dụng trong nước để thế chấp một phần Dự án, tập trung nguồn vốn để Dự án sớm được tái khởi động trở lại.

4.2.2 Dự án Khu du lịch cao cấp quốc tế Tản Viên (nay đổi tên thành Dự án Khu du lịch quốc tế cao cấp Ba Vì):

Dừng mọi hoạt động liên quan đến Dự án.

5. Giải trình của Ban giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:

Theo Báo cáo kiểm toán độc lập số 020323.004/BCTC.KT7 của Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC ngày 02 tháng 03 năm 2023, ý kiến của Công ty kiểm toán trong Báo cáo Tài chính của PVR tại thời điểm 31/12/2022, Kiểm toán viên đã từ chối đưa ra ý kiến vì các lý do sau đây:

+ Tại thuyết minh số 10 bản thuyết minh Báo cáo tài chính, Công ty đang theo dõi chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang vào Dự án Khu du lịch quốc tế cao cấp Tản Viên lũy kế đến ngày 31/12/2021 và 31/12/2022 đều là 24,92 tỷ VND, trong đó lãi vay lũy kế đến 31/12/2022 là 7,34 tỷ VND. Đồng thời, theo như trình bày tại thuyết minh số 10, Công ty cũng đang gặp rủi ro về việc bị thu hồi dự án. Chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ hồ sơ, bằng chứng chắc chắn về hiệu quả đầu tư, định hướng triển khai cụ thể của Công ty nên không thể đánh giá được khả năng xảy ra tổn thất đối với chi phí đầu tư của Dự án này, cũng như đánh giá việc có cần thiết phải điều chỉnh phần chi phí lãi vay mà Công ty đã vốn hóa vào Dự án hay không.

+ Đối với các khoản đầu tư tài chính vào Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (21,35 tỷ VND) Công ty chưa thu thập được Báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2021 và

31/12/2022 và Công ty Cổ phần Khách sạn Dầu khí Lam Kinh (5 tỷ VND), Công ty chưa thu thập được Báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2022 để làm cơ sở xem xét trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư.

+ Tại thời điểm 31/12/2021 và 31/12/2022 Công ty chưa đánh giá được hiệu quả và giá trị thu hồi đối với Dự án CT10 - 11 Văn Phú đang thi công dở dang do chậm tiến độ. Giá trị chi phí thi công dở dang của dự án này tại ngày 31/12/2021 và ngày 31/12/2022 đều là 692,66 tỷ VND. Chi phí bán hàng cho dự án này đang được theo dõi trên khoản mục Chi phí trả trước tại thời điểm 31/12/2021 và 31/12/2022 đều là 7,34 tỷ VND.

+ Các khoản đầu tư tài chính, công nợ phải thu và công nợ phải trả của Công ty tại ngày 31/12/2021 và 31/12/2022 chưa được đối chiếu, xác nhận đầy đủ. Vì vậy, chúng tôi không thể đánh giá được tính hiện hữu, tính chính xác, tính đầy đủ của số liệu và liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu dưới đây hay không:

| <u>Khoản mục</u> | <u>12/31/2021</u> | <u>12/31/2022</u> |
|------------------|-------------------|-------------------|
| Đầu tư tài chính | 253,96 tỷ VND | 246,85 tỷ VND |
| Nợ phải thu | 37,31 tỷ VND | 36,49 tỷ VND |
| Nợ phải trả | 492,36 tỷ VND | 492,36 tỷ VND |

+ Công ty chưa kê khai tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp đầy đủ đối với khoản tiền nhận đặt cọc với khách hàng cho Dự án Văn Phú theo các quy định về thuế hiện hành.

+ Công ty chưa xem xét trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn vào Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Bình An (Bình An) tại ngày 31/12/2021 và 31/12/2022 với số tiền là 205,08 tỷ VND. Chúng tôi cũng không thể đánh giá được tính đúng đắn của hợp đồng chuyển nhượng cổ phần tại Công ty Bình An ngày 30/06/2011 giữa Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ OCH (OCH) và Công ty Cổ phần Đầu tư PVR Hà Nội, cũng như không thể xác định được liệu các cổ đông sáng lập và cổ đông phổ thông của Công ty Bình An đã góp đủ vốn hay chưa.

PVR xin giải trình ý kiến từ chối của Công ty kiểm toán như sau :

+ Dự án Khu du lịch quốc tế cao cấp Tản Viên được triển khai từ năm 2006, Công ty đã hoàn thành công tác lập quy hoạch chi tiết xây dựng 1/500, lập dự án đầu tư và công tác kiểm đếm phục vụ giải phóng mặt bằng. Tuy nhiên, do có sự thay đổi về ranh giới, quy mô, diện tích của Dự án (thay đổi mực nước từ cốt 23 sang cốt 24,85m) dẫn đến các công việc đã triển khai trước đây không sử dụng được. Trong các năm vừa qua, Công ty tiếp tục hoàn tất các thủ tục pháp lý của Dự án (theo cốt nước +24,85m).

Tuy nhiên, trong năm 2019 Công ty nhận được văn bản của Sở Kế hoạch & Đầu tư Thành phố Hà Nội về việc chấm dứt hoạt động của Dự án và thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư. Hiện Công ty đang dừng mọi hoạt động liên quan đến Dự án.

+ Do tại thời điểm 31/12/2022 chúng tôi mới chỉ thu thập được Báo cáo tài chính năm 2019 của đơn vị nhận vốn góp Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam và Báo cáo tài chính năm 2021 của đơn vị nhận vốn góp Công ty Cổ phần Khách sạn Dầu khí Lam Kinh nên chúng tôi trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính này trên cơ sở Báo cáo tài

12/01/2023

chính năm 2019 và Báo cáo tài chính năm 2021. Chúng tôi cam kết và chịu trách nhiệm trích lập Dự phòng đầy đủ khi nhận được báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư.

+ Hàng tồn kho: Báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2022, Công ty chưa thể đánh giá được một cách chính xác hiệu quả đầu tư của Dự án CT10-11 Văn Phú do các thông số tính toán theo thị trường tại thời điểm hiện tại chưa đầy đủ và có thể còn biến động, vì vậy Công ty không có căn cứ để trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

+ Đối với khoản công nợ phải thu và công nợ phải trả, các khoản đầu tư tài chính đã được chúng tôi tích cực gửi công văn và thư xác nhận cho khách hàng, nhà cung cấp, nhà đầu tư. Tuy nhiên do thời gian lập báo cáo sớm nên nhiều khoản công nợ chúng tôi chưa nhận được thư xác nhận đầy đủ, chúng tôi sẽ sớm bổ sung và cung cấp cấp cho kiểm toán viên, đồng thời chúng tôi cam kết việc ghi nhận các khoản công nợ phải thu, phải trả và các khoản đầu tư tài chính chưa có đối chiếu là đúng.

+ Tại thời điểm lập báo cáo tài chính 31/12/2022, PVR chưa thu thập được báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Bình An, đơn vị đã gửi văn bản và liên lạc trực tiếp với công ty Bình An đề nghị cung cấp bộ Báo cáo tài chính làm cơ sở cho việc trích lập dự phòng nhưng đến nay Công ty chúng tôi vẫn chưa nhận được báo cáo tài chính năm 2019, 2020, 2021, 2022. Vì vậy PVR không có cơ sở để trích lập dự phòng cho khoản đầu tư này.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

- Ngoài những hạn chế về tình hình thực hiện các Dự án như đã trình bày ở trên, thêm ảnh hưởng của đại dịch Covid – 19 nên Công ty gặp rất nhiều khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như không thể hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đã được ĐHĐCĐ/HĐQT phê duyệt; Công ty không những không có doanh thu mà kết quả sản xuất kinh doanh cuối năm lỗ 3,83 tỷ đồng do trích lập thêm dự phòng các khoản đầu tư tài chính.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

- Trong năm qua, HĐQT và Ban giám đốc đã bám sát các chỉ tiêu được ĐHĐCĐ giao trên cơ sở kết hợp phân tích diễn biến tình hình thực tiễn để định hướng mọi hoạt động của Công ty.
- HĐQT đã phân công nhiệm vụ cụ thể đến từng thành viên, xử lý kịp thời các công việc phát sinh.
- HĐQT và Ban Giám đốc Công ty đã nỗ lực chỉ đạo, điều hành hoạt động của Công ty theo đúng định hướng phát triển và những chỉ tiêu kinh doanh mà ĐHĐCĐ thường niên 2022 đặt ra. Các thành viên HĐQT và Ban giám đốc luôn cố gắng hoàn thành tốt chức trách, nhiệm vụ được giao phó, hành động vì lợi ích chung của Công ty.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Tiếp tục chỉ đạo Ban Giám đốc thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị.
- Chỉ đạo việc thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng cơ bản với hiệu quả cao nhất, đồng thời giám sát, hỗ trợ Ban giám đốc hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 đặt ra.
- Kiện toàn và tái cơ cấu tổ chức bộ máy Công ty phù hợp với tình hình và nhiệm vụ mới của năm 2023. Không ngừng cải tiến phương thức quản lý tại Công ty theo hướng gọn nhẹ, chuyên sâu nhằm tăng cường năng suất lao động và hiệu quả kinh doanh.
- Quan tâm và bảo vệ quyền lợi hợp pháp tối đa cho cổ đông cũng như quan tâm hơn nữa đến thu nhập, quyền lợi và điều kiện làm việc của người lao động trong Công ty.
- Tiếp tục sửa đổi, hoàn thiện các Quy chế quản lý nội bộ Công ty nhằm tạo hành lang pháp lý thuận lợi trong điều hành, phù hợp với quy định pháp luật đảm bảo công tác kiểm tra, giám sát tình hình tài chính và sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Hội đồng quản trị sẽ nghiên cứu đề đưa ra cách thức điều hành Công ty sao cho tốt nhất, đáp ứng được nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty như: giao thêm một số quyền hạn cho Chủ tịch HĐQT/Tổng Giám đốc thực hiện các công việc tiếp theo sau khi đã được Đại hội đồng cổ đông/HĐQT phê duyệt chủ trương. Tạo điều kiện để Ban lãnh đạo Công ty điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh một cách linh hoạt, nắm bắt kịp thời các cơ hội của thị trường.
- Tổ chức các cuộc họp HĐQT Công ty định kỳ và đột xuất để chỉ đạo kịp thời hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty khi có cơ hội kinh doanh mới phù hợp.
- Chỉ đạo công tác tìm kiếm các đối tác chiến lược trong và ngoài nước có tiềm lực tài chính và kỹ thuật để hợp tác, thực hiện các Dự án đầu tư dang dở của Công ty mang lại hiệu quả.
- Tuân thủ và hoạt động theo Điều lệ và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

V. Quản trị công ty:

1. Hội đồng quản trị

1.1 Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị:

Ông Bùi Văn Phú – Chủ tịch HĐQT bầu ngày 23/06/2022

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 12/01/1975
- Quốc tịch : Việt Nam

- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Vụ Bản, Nam Định
- Địa chỉ thường trú : Số 5, ngách 51 tổ 3 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
- Số CCCD : 036075000646 do Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 25/12/2017
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức đăng ký giao dịch: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Đầu tư PVR Hà Nội
- Quá trình công tác:
 - 03/2016-đến nay: Chủ tịch/Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư PVR Hà Nội
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân : 2.715.520 cổ phần
 - + Sở hữu đại diện : 0 cổ phần
 - + Những người có liên quan: 12.483.000 cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Ông Đỗ Duy Điền - Thành viên HĐQT bầu ngày 23/06/2022

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 03/06/1980
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Xã Điền Xá, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định
- Địa chỉ thường trú : Số nhà 95, ngõ 189 Hoàng Hoa Thám, phường Liễu Giai, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
- Số CMTND/Hộ chiếu : 162267949 do Công an Nam Định cấp ngày 09/10/2012
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Xây dựng
 - Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức đăng ký giao dịch: Thành viên HĐQT/Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư PVR Hà Nội
- Quá trình công tác:
 - 2002 - 2003: Cán bộ kỹ thuật - Công ty XD số 4 - Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội;
 - 2004 - 2005: Chỉ huy công trình Công ty CP Đầu tư Xây lắp Sông Đà;
 - 2006 - 2009: Đội trưởng Đội 2 Công ty CP Đầu tư – Xây dựng Econ;
 - 2010 - 2012: Đội trưởng Đội XDCT Công ty CP Đầu tư và TM Dầu khí Sông Đà

- 2012 - 2015: Tổng Giám đốc Công ty CP Xây dựng Hạ Đình
- Tháng 12/2015 - 2016: Chỉ huy công trình Công ty CP Đầu tư MHD Vina
- 10/2016 - nay: Thành viên HĐQT/Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư PVR Hà Nội
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân : 2.500 cổ phần
 - + Sở hữu đại diện tổ chức : 0 cổ phần
 - + Những người có liên quan : 0 cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Ông Trần Ngọc Bấy - Thành viên HĐQT bầu ngày 23/06/2022

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 07/07/1973
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định
- Địa chỉ thường trú : Mỹ Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định
- Số CMTND/Hộ chiếu : 036073001729 do Cục cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 10/05/2021
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức đăng ký giao dịch: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư PVR Hà Nội
- Quá trình công tác:
 - 04/2005 – 02/2017: Kỹ thuật/Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần;
 - 03/2017 - nay: Hội đồng thành viên Công ty TNHH MHD Golf; Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư PVR Hà Nội
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân : 100 cổ phần
 - + Sở hữu đại diện cho tổ chức : 0 cổ phần
 - + Những người có liên quan : 0 cổ phần

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

1.2 Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không

1.3 Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Các cuộc họp:

| Stt | Thành viên HĐQT | Chức vụ | Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT | Số buổi họp HĐQT tham dự | Tỷ lệ tham dự họp | Lý do không tham dự họp |
|-----|-------------------|-----------------|---------------------------------|--------------------------|-------------------|-------------------------|
| 1 | Ông Bùi Văn Phú | Chủ tịch HĐQT | 23/06/2022 | 08/08 | 100% | |
| 2 | Ông Đỗ Duy Điền | Thành viên HĐQT | 23/06/2022 | 08/08 | 100% | |
| 3 | Ông Trần Ngọc Bẩy | Thành viên HĐQT | 23/06/2022 | 08/08 | 100% | |

Các Nghị quyết, Quyết định, Thông báo của Hội đồng quản trị ban hành trong năm 2022:

| Stt | Số Nghị quyết/Quyết định/Thông báo | Ngày | Nội dung |
|-----|------------------------------------|------------|--|
| 1 | 03/TB-HĐQT-PVR | 10/01/2022 | Thông báo về việc phê duyệt chi phí tháng 10/2021 đến tháng 12/2021 và kế hoạch chi tiêu tháng 01/2022 |
| 2 | 04/TB-HĐQT-PVR | 10/01/2022 | Thông báo về việc Thông qua phương án vay tiền để chi trả các chi phí hoạt động của Công ty |
| 3 | 28/NQ-HĐQT-PVR | 24/03/2022 | Nghị quyết về việc Thông qua dự trù kinh phí, thời gian địa điểm, chốt danh sách cổ đông và các nội dung cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 |
| 4 | 35/NQ-HĐQT-PVR | 31/03/2022 | Nghị quyết về việc Gia hạn thời gian tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 Công ty PVR |
| 5 | 40/TB-HĐQT-PVR | 09/04/2022 | Thông báo về việc Phê duyệt chi phí tháng 01/2022 đến tháng 03/2022 và kế hoạch chi tiêu tháng 04/2022 |

| | | | |
|----|------------------|------------|--|
| 6 | 61/NQ-HĐQT-PVR | 25/04/2022 | Nghị quyết về việc thông qua thời gian, địa điểm và nội dung các báo cáo, tờ trình tại Biên bản họp HĐQT ngày 22/04/2022 |
| 7 | 99/BB-ĐHĐCĐ-PVR | 23/06/2022 | Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 |
| 8 | 101/NQ-HĐQT-PVR | 23/06/2022 | Nghị quyết về việc Bầu Ông Bùi Văn Phú giữ chức Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần đầu tư PVR Hà Nội nhiệm kỳ 2022-2027 |
| 9 | 102/NQ-ĐHĐCĐ-PVR | 24/06/2022 | Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 |
| 10 | 109/QĐ-HĐQT-PVR | 29/06/2022 | Quyết định bầu Ông Đỗ Duy Điền giữ chức Tổng giám đốc Công ty PVR nhiệm kỳ 2022-2027 |
| 11 | 110/QĐ-HĐQT-PVR | 29/06/2022 | Quyết định bầu Bà Khúc Thị Thanh Huyền giữ chức Kế toán trưởng Công ty PVR nhiệm kỳ 2022-2027 |
| 12 | 124/NQ-HĐQT-PVR | 06/07/2022 | Nghị quyết HĐQT Công ty v.v Thông qua phương án lựa chọn Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC là Công ty thực hiện kiểm toán và soát xét BCTC năm 2022 của Công ty PVR |
| 13 | 125/TB-HĐQT-PVR | 06/07/2022 | Thông báo HĐQT Công ty v.v Phê duyệt chi phí từ tháng 04/2022 đến tháng 06/2022 và kế hoạch chi tiêu tháng 07/2022 |
| 14 | 150/TB-HĐQT-PVR | 12/10/2022 | Thông báo HĐQT Công ty v.v Phê duyệt chi phí tháng 07/2022 đến tháng 09/2022 và kế hoạch chi tiêu tháng 10/2022 |

1.4. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Hoạt động của tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không

1.5. Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên HĐQT tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm.

2. Ban kiểm soát

2.1 Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát:

Bà Khúc Thị Thanh Trâm - Thành viên Ban kiểm soát bầu ngày 23/06/2022, được bầu giữ chức Trưởng Ban kiểm soát ngày 30/06/2022

- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 13/02/1992
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Yên Mỹ, Thanh Trì, Hà Nội
- Địa chỉ thường trú : Xóm 7, Yên Mỹ, Thanh Trì, Hà Nội
- Số CCCD : 001192025001 do Cục cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 25/04/2021
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Kế toán
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức đăng ký giao dịch: Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần Đầu tư PVR Hà Nội
- Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):
 - T2/2014 – T6/2017: Kế toán Công ty cổ phần
 - T6/2017 – nay: Thành viên/Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần Đầu tư PVR Hà Nội
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
 - + Những người có liên quan: 0 cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Ông Phạm Văn Quyết - Thành viên Ban kiểm soát bầu ngày 23/06/2022

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 25/01/1973
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Thôn Lạc Chính, Xã Nam Tiến, Huyện Nam Trực, Tỉnh Nam Định
- Địa chỉ thường trú : Thôn Lạc Chính, Xã Nam Tiến, Huyện Nam Trực, Tỉnh Nam Định

- Số CCCD : 036073001893 do Cục cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 10/05/2021
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư xây dựng
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức đăng ký giao dịch: Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Đầu tư PVR Hà Nội
- Quá trình công tác: (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):
 - Năm 2008 – 2018: Giám đốc Công ty cổ phần đầu tư Việt Hoàng
 - Tháng 01/2019 đến nay: Tổng giám đốc Công ty cổ phần đầu tư MHD Hà Nội
 - Tháng 07/2020 đến nay: Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Đầu tư PVR Hà Nội.
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
 - + Những người có liên quan: 0 cổ phần

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Bà Đỗ Thị Hương - Thành viên Ban kiểm soát bầu ngày 23/06/2022

- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 04/11/1978
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Minh Hòa, Hưng Hà, Thái Bình
- Địa chỉ thường trú : 7 Ngõ 192 Khương Thượng, Đống Đa, Hà Nội
- Số CCCD/Hộ chiếu : 034178019279 do Cục cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 10/07/2021
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức đăng ký giao dịch: Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Đầu tư PVR Hà Nội
- Quá trình công tác: (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):
 - Năm 2010 – Tháng 05/2016: Kế toán trưởng Công ty TNHH Thiết bị phụ tùng TMT
 - Tháng 06/2016 – 05/2020: Kế toán trưởng Công ty cổ phần Group An Thuận Phát

- Tháng 06/2020 đến nay: Kế toán trưởng Công ty cổ phần MHD Ba Vi
 - Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác
 - Hành vi vi phạm pháp luật : Không
 - Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
 - Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
 - + Những người có liên quan: 0 cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

2.2 Hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong năm 2022, Ban kiểm soát đã hoạt động theo đúng chức năng quy định bởi Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty. Các thành viên Ban kiểm soát đã trao đổi thường xuyên tình hình công việc.

Những nội dung cơ bản hoạt động kiểm soát năm 2022:

Thực hiện chức năng giám sát đối với hoạt động của Hội đồng quản trị, cụ thể:

- Kiểm soát hoạt động lãnh đạo, giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban giám đốc trong việc thực hiện các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
- Kiểm soát việc tuân thủ pháp luật, Điều lệ Công ty, trong quá trình lãnh đạo, giám sát Ban Giám đốc về sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn;
- Kiểm soát việc HĐQT lãnh đạo, giám sát Ban Giám đốc công ty thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh.

Thực hiện chức năng giám sát đối với Ban Giám đốc và bộ máy quản lý, cụ thể:

- Kiểm soát hoạt động điều hành, thực hiện Nghị quyết, quyết định của HĐQT;
- Kiểm soát việc tuân thủ Pháp luật, Điều lệ công ty;
- Kiểm soát việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh;
- Kiểm soát việc xây dựng, ban hành, thực hiện và hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ, quy chế, quy trình quản lý của công ty...
- Kiểm soát việc thực hiện quy chế phối hợp với HĐQT trong hoạt động điều hành.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

3.1 Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

| STT | Họ và tên | Chức vụ | Tính chất công việc | Thù lao |
|------------------|--------------------------|---------------|---------------------|--------------------|
| I | HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ | | | 150.000.000 |
| 1 | Bùi Văn Phú | CT HĐQT | Chuyên trách | 90.000.000 |
| 2 | Trần Ngọc Bảy | TV HĐQT | Chuyên trách | 30.000.000 |
| 3 | Đỗ Duy Điền | TV HĐQT | Kiểm nhiệm | 30.000.000 |
| II | BAN KIỂM SOÁT | | | 48.000.000 |
| 1 | Khúc Thị Thanh Trâm | TB BKS | Chuyên trách | 30.000.000 |
| 2 | Phạm Văn Quyết | TV BKS | Chuyên trách | 18.000.000 |
| 3 | Đỗ Thị Hương | TV BKS | Chuyên trách | 0 |
| III | BAN GIÁM ĐỐC | | | 124.800.000 |
| 1 | Đỗ Duy Điền | Tổng giám đốc | Chuyên trách | 54.200.000 |
| 2 | Khúc Thị Thanh Huyền | KTT | Chuyên trách | 70.600.000 |
| Tổng cộng | | | | 322.800.000 |

3.2 *Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: không*

3.3 *Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: không*

3.4 *Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:*

Công ty thực hiện nghiêm túc các quy định của Nhà nước và pháp luật đó là: Luật doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành; Quy chế quản trị công ty và Điều lệ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

VI. Báo cáo tài chính (đính kèm)

1. Ý kiến kiểm toán
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.

Xác nhận của Đại diện theo pháp luật của Công ty



TỔNG GIÁM ĐỐC
Đỗ Duy Điền



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PVR HÀ NỘI

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

(đã được kiểm toán)



NỘI DUNG

| | Trang |
|--------------------------------------|---------|
| Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc | 02 - 03 |
| Báo cáo kiểm toán độc lập | 04 - 05 |
| Báo cáo tài chính đã được kiểm toán | 06 - 39 |
| Bảng cân đối kế toán | 06 - 07 |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh | 08 |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ | 09 |
| Thuyết minh Báo cáo tài chính | 10 - 39 |

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư PVR Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư PVR Hà Nội được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0500547376 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 17 tháng 11 năm 2006, được đổi tên thành Công ty Cổ phần Đầu tư PVR Hà Nội theo Giấy đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ mười sáu ngày 07 tháng 08 năm 2018.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 143, Ngõ 85 Hạ Đình, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

| | |
|-------------------|-----------------|
| Ông: Bùi Văn Phú | Chủ tịch HĐQT |
| Ông: Đỗ Duy Điền | Thành viên HĐQT |
| Bà: Trần Ngọc Bảy | Thành viên HĐQT |

Thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

| | |
|------------------|---------------|
| Ông: Đỗ Duy Điền | Tổng Giám Đốc |
|------------------|---------------|

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

| | | |
|-------------------------|----------------------|------------------------------|
| Bà: Khúc Thị Thanh Trâm | Trưởng ban Kiểm soát | |
| Ông: Phạm Văn Quyết | Thành viên | |
| Bà: Đỗ Thị Hương | Thành viên | (Bỏ nhiệm ngày 24/06/2022) |
| Bà: Phạm Thu Thảo My | Thành viên | (Miễn nhiệm ngày 24/06/2022) |

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban Quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ;

Công ty Cổ phần Đầu tư PVR Hà Nội

Số 143, Ngõ 85 Hạ Đình, Phường Thanh Xuân Trung,
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Đỗ Duy Diên

Tổng Giám Đốc

Hà Nội, ngày 01 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư PVR Hà Nội**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư PVR Hà Nội được lập ngày 01 tháng 03 năm 2023, từ trang 06 đến trang 39, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám Đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện đầy đủ các thủ tục kiểm toán cần thiết theo quy định của hệ thống Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam nhưng vẫn không thể thu thập được đủ các bằng chứng thích hợp để có thể đưa ra được ý kiến đối với các vấn đề sau đây:

- Tại thuyết minh số 10 bản thuyết minh Báo cáo tài chính, Công ty đang theo dõi chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang vào Dự án Khu du lịch quốc tế cao cấp Tân Viên lũy kể đến ngày 31/12/2021 và 31/12/2022 đều là 24,92 tỷ VND, trong đó lãi vay lũy kể đến 31/12/2022 là 7,34 tỷ VND. Đồng thời, theo như trình bày tại thuyết minh số 10, Công ty cũng đang gặp rủi ro về việc bị thu hồi dự án. Chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ hồ sơ, bằng chứng chắc chắn về hiệu quả đầu tư, định hướng triển khai cụ thể của Công ty nên không thể đánh giá được khả năng xảy ra tổn thất đối với chi phí đầu tư của Dự án này, cũng như đánh giá việc có cần thiết phải điều chỉnh phần chi phí lãi vay mà Công ty đã vốn hóa vào Dự án hay không.
- Đối với các khoản đầu tư tài chính vào Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (21,35 tỷ VND) Công ty chưa thu thập được Báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2021 và 31/12/2022 và Công ty Cổ phần Khách sạn Dầu khí Lam Kinh (5 tỷ VND), Công ty chưa thu thập được Báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2022 để làm cơ sở xem xét trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư.
- Tại thời điểm 31/12/2021 và 31/12/2022 Công ty chưa đánh giá được hiệu quả và giá trị thu hồi đối với Dự án CT10 - 11 Văn Phú đang thi công dở dang do chậm tiến độ. Giá trị chi phí thi công dở dang của dự án này tại ngày 31/12/2021 và ngày 31/12/2022 đều là 692,66 tỷ VND. Chi phí bán hàng cho dự án này đang được theo dõi trên khoản mục Chi phí trả trước tại thời điểm 31/12/2021 và 31/12/2022 đều là 7,34 tỷ VND.

4. Các khoản đầu tư tài chính, công nợ phải thu và công nợ phải trả của Công ty tại ngày 31/12/2021 và 31/12/2022 chưa được đối chiếu, xác nhận đầy đủ. Vì vậy, chúng tôi không thể đánh giá được tính hiện hữu, tính chính xác, tính đầy đủ của số liệu và liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu dưới đây hay không:

| <u>Khoản mục</u> | <u>31/12/2021</u> | <u>31/12/2022</u> |
|------------------|-------------------|-------------------|
| Đầu tư tài chính | 253,96 tỷ VND | 246,85 tỷ VND |
| Nợ phải thu | 37,31 tỷ VND | 36,49 tỷ VND |
| Nợ phải trả | 492,36 tỷ VND | 492,36 tỷ VND |

5. Công ty chưa kê khai tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp đầy đủ đối với khoản tiền nhận đặt cọc với khách hàng cho Dự án Văn Phú theo các quy định về thuế hiện hành.
6. Công ty chưa xem xét trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn vào Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Bình An (Bình An) tại ngày 31/12/2021 và 31/12/2022 với số tiền là 205,08 tỷ VND. Chúng tôi cũng không thể đánh giá được tính đúng đắn của hợp đồng chuyển nhượng cổ phần tại Công ty Bình An ngày 30/06/2011 giữa Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ OCH (OCH) và Công ty Cổ phần Đầu tư PVR Hà Nội, cũng như không thể xác định được liệu các cổ đông sáng lập và cổ đông phổ thông của Công ty Bình An đã góp đủ vốn hay chưa.

Từ chối đưa ra ý kiến

Do tầm quan trọng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính đính kèm.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 29 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính, trong đó mô tả về các vụ kiện mà Công ty còn đang tranh chấp đang chờ phán quyết cuối cùng của Tòa án. Vấn đề nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến từ chối nêu trên của chúng tôi.



Cát Thị Hà

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 0725-2023-002-1

Hà Nội, ngày 02 tháng 03 năm 2023

Nguyễn Ngọc Lân

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 1427-2023-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

| Mã số | TÀI SẢN | Thuyết minh | 31/12/2022 | 01/01/2022 |
|------------|--|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | VND | VND |
| 100 | A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | | 726.218.356.526 | 728.031.731.800 |
| 110 | I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 03 | 1.474.318.898 | 1.569.466.405 |
| 111 | 1. Tiền | | 434.318.898 | 529.466.405 |
| 112 | 2. Các khoản tương đương tiền | | 1.040.000.000 | 1.040.000.000 |
| 120 | II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 04 | 1.606.080.000 | 2.523.840.000 |
| 121 | 1. Chứng khoán kinh doanh | | 5.427.075.622 | 5.427.075.622 |
| 122 | 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | | (3.820.995.622) | (2.903.235.622) |
| 130 | III. Các khoản phải thu ngắn hạn | | 23.009.913.513 | 23.829.853.237 |
| 131 | 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 05 | 92.300.000 | 933.839.724 |
| 132 | 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 06 | 22.324.840.738 | 22.303.240.738 |
| 136 | 3. Phải thu ngắn hạn khác | 07 | 14.071.012.775 | 14.071.012.775 |
| 137 | 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | | (13.478.240.000) | (13.478.240.000) |
| 140 | IV. Hàng tồn kho | 09 | 692.664.848.246 | 692.664.848.246 |
| 141 | 1. Hàng tồn kho | | 692.664.848.246 | 692.664.848.246 |
| 150 | V. Tài sản ngắn hạn khác | | 7.463.195.869 | 7.443.723.912 |
| 152 | 1. Thuế GTGT được khấu trừ | | 7.463.195.869 | 7.443.723.912 |
| 200 | B. TÀI SẢN DÀI HẠN | | 256.307.195.859 | 269.710.255.449 |
| 220 | I. Tài sản cố định | | - | 14.616.558 |
| 221 | 1. Tài sản cố định hữu hình | 11 | - | 14.616.558 |
| 222 | - Nguyên giá | | 2.316.256.677 | 2.316.256.677 |
| 223 | - Giá trị hao mòn lũy kế | | (2.316.256.677) | (2.301.640.119) |
| 227 | 2. Tài sản cố định vô hình | 12 | - | - |
| 228 | - Nguyên giá | | 423.000.000 | 423.000.000 |
| 229 | - Giá trị hao mòn lũy kế | | (423.000.000) | (423.000.000) |
| 240 | II. Tài sản dở dang dài hạn | 10 | 24.918.942.700 | 24.918.942.700 |
| 242 | 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | | 24.918.942.700 | 24.918.942.700 |
| 250 | III. Đầu tư tài chính dài hạn | 04 | 224.050.072.256 | 237.437.572.256 |
| 252 | 1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | | 21.350.000.000 | 21.350.000.000 |
| 253 | 2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | | 220.072.444.751 | 227.182.444.751 |
| 254 | 3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | | (17.372.372.495) | (11.094.872.495) |
| 260 | IV. Tài sản dài hạn khác | | 7.338.180.903 | 7.339.123.935 |
| 261 | 1. Chi phí trả trước dài hạn | 13 | 7.338.180.903 | 7.339.123.935 |
| 270 | TỔNG CỘNG TÀI SẢN | | 982.525.552.385 | 997.741.987.249 |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

| Mã số | NGUỒN VỐN | Thuyết minh | 31/12/2022 | 01/01/2022 |
|------------|--|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | VND | VND |
| 300 | C. NỢ PHẢI TRẢ | | 515.562.130.137 | 526.952.366.671 |
| 310 | I. Nợ ngắn hạn | | 515.562.130.137 | 518.558.926.560 |
| 311 | 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 15 | 48.140.145.285 | 48.132.353.445 |
| 312 | 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 16 | 256.613.468.331 | 257.358.468.331 |
| 313 | 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 17 | 1.077.699.583 | 1.077.699.583 |
| 314 | 4. Phải trả người lao động | | 1.733.392.591 | 2.164.272.591 |
| 315 | 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 18 | 5.169.605.099 | 4.734.359.732 |
| 319 | 6. Phải trả ngắn hạn khác | 19 | 187.623.047.044 | 186.878.047.044 |
| 320 | 7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 14 | 13.935.308.745 | 16.932.862.375 |
| 322 | 8. Quỹ khen thưởng phúc lợi | | 1.269.463.459 | 1.280.863.459 |
| 330 | II. Nợ dài hạn | | - | 8.393.440.111 |
| 338 | 1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 14 | - | 8.393.440.111 |
| 400 | D. VỐN CHỦ SỞ HỮU | | 466.963.422.248 | 470.789.620.578 |
| 410 | I. Vốn chủ sở hữu | 20 | 466.963.422.248 | 470.789.620.578 |
| 411 | 1. Vốn góp của chủ sở hữu | | 531.009.130.000 | 531.009.130.000 |
| 412 | 2. Thặng dư vốn cổ phần | | 11.788.944.000 | 11.788.944.000 |
| 415 | 3. Cổ phiếu quỹ | | (10.507.397.490) | (10.507.397.490) |
| 418 | 4. Quỹ đầu tư phát triển | | 10.687.396.552 | 10.687.396.552 |
| 420 | 5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | | 4.378.477.974 | 4.378.477.974 |
| 421 | 6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | | (80.393.128.788) | (76.566.930.458) |
| 421a | LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | | (76.566.930.458) | (78.286.673.422) |
| 421b | LNST chưa phân phối kỳ này | | (3.826.198.330) | 1.719.742.964 |
| 440 | TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | | 982.525.552.385 | 997.741.987.249 |

Người lập biểu

Khúc Thị Thanh Huyền

Kế toán trưởng

Khúc Thị Thanh Huyền

Hà Nội, ngày 01 tháng 03 năm 2023



Tổng Giám Đốc

Đỗ Duy Diên

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Năm 2022 VND | Năm 2021 VND |
|-------|--|-------------|-----------------|-----------------|
| 01 | 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | | - | 7.121.391.800 |
| 02 | 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | | - | - |
| 10 | 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | | - | 7.121.391.800 |
| 11 | 4. Giá vốn hàng bán | | - | 5.859.373.000 |
| 20 | 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | | - | 1.262.018.800 |
| 21 | 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 5.916.362.763 | 30.840.955 |
| 22 | 7. Chi phí tài chính | 22 | 9.039.176.868 | (2.095.546.025) |
| 23 | Trong đó: Chi phí lãi vay | | 1.771.853.199 | 2.698.133.975 |
| 25 | 8. Chi phí bán hàng | | - | - |
| 26 | 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 23 | 703.384.225 | 1.523.435.273 |
| 30 | 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | | (3.826.198.330) | 1.864.970.507 |
| 31 | 11. Thu nhập khác | | - | 322.922.095 |
| 32 | 12. Chi phí khác | | - | 468.149.638 |
| 40 | 13. Lợi nhuận khác | | - | (145.227.543) |
| 50 | 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | | (3.826.198.330) | 1.719.742.964 |
| 51 | 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 24 | - | - |
| 52 | 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | | - | - |
| 60 | 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | | (3.826.198.330) | 1.719.742.964 |
| 70 | 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 25 | (74) | 33 |

Người lập biểu

Khúc Thị Thanh Huyền

Kế toán trưởng

Khúc Thị Thanh Huyền

Hà Nội, ngày 01 tháng 03 năm 2023

Tổng Giám Đốc



Đỗ Duy Diễm

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022
(Theo phương pháp gián tiếp)

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Năm 2022 VND | Năm 2021 VND |
|--|--|-------------|------------------|------------------|
| I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | | |
| 01 | 1. Lợi nhuận trước thuế | | (3.826.198.330) | 1.719.742.964 |
| | 2. Điều chỉnh cho các khoản | | 3.117.166.994 | (2.016.102.229) |
| 02 | - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư | | 14.616.558 | 400.431.458 |
| 03 | - Các khoản dự phòng | | 7.195.260.000 | (4.793.680.000) |
| 05 | - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | | (5.864.562.763) | (320.987.662) |
| 06 | - Chi phí lãi vay | | 1.771.853.199 | 2.698.133.975 |
| 08 | 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | | (709.031.336) | (296.359.265) |
| 09 | - Tăng, giảm các khoản phải thu | | 800.467.767 | (150.494.456) |
| 10 | - Tăng, giảm hàng tồn kho | | - | (42.280.000) |
| 11 | - Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | | (423.088.160) | (1.764.758.658) |
| 12 | - Tăng, giảm chi phí trả trước | | 943.032 | 78.731.098 |
| 14 | - Tiền lãi vay đã trả | | (1.336.607.832) | (1.324.817.184) |
| 17 | - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | | (11.400.000) | (21.000.000) |
| 20 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | | (1.678.716.529) | (3.520.978.465) |
| II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | | |
| 22 | 1. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | | - | 5.909.090.909 |
| 26 | 2. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | | 12.943.940.000 | - |
| 27 | 3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | | 30.622.763 | 30.840.955 |
| 30 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | | 12.974.562.763 | 5.939.931.864 |
| III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | | |
| 33 | 1. Tiền thu từ đi vay | | 975.854.950 | 10.842.192.375 |
| 34 | 2. Tiền trả nợ gốc vay | | (12.366.848.691) | (13.179.778.000) |
| 40 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | | (11.390.993.741) | (2.337.585.625) |
| 50 | Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ | | (95.147.507) | 81.367.774 |
| 60 | Tiền và tương đương tiền đầu kỳ | | 1.569.466.405 | 1.488.098.631 |
| 70 | Tiền và tương đương tiền cuối kỳ | 03 | 1.474.318.898 | 1.569.466.405 |

Người lập biểu

Khúc Thị Thanh Huyền

Kế toán trưởng

Khúc Thị Thanh Huyền

Hà Nội, ngày 01 tháng 03 năm 2023

Tổng Giám Đốc



Đỗ Duy Diễm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư PVR Hà Nội được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0500547376 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 17 tháng 11 năm 2006, được đổi tên thành Công ty Cổ phần Đầu tư PVR Hà Nội theo Giấy đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ mười sáu ngày 07 tháng 08 năm 2018.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 143, Ngõ 85 Hạ Đình, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là: 531.009.130.000 đồng; Tương đương 53.100.913 cổ phần, Mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 1 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là: 5 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực xây dựng và kinh doanh bất động sản.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Xây dựng và kinh doanh bất động sản: Xây dựng chung cư, Xây dựng nhà ở và Xây dựng dự án Du lịch;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm 2022, các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác của Công ty chưa đem lại hiệu quả, bên cạnh đó các nguồn vốn để thực hiện các Dự án gặp khó khăn dẫn đến một số Dự án của Công ty bị chậm tiến độ so với kế hoạch xây dựng ban đầu làm cho Công ty lỗ liên tục trong nhiều năm, dòng tiền âm và nhiều khoản công nợ quá hạn...

Dự án CT10-11 tiếp tục bị dừng không thể triển khai thi công vì chưa tìm được nguồn kinh phí thực hiện và đang xin điều chỉnh hồ sơ pháp lý. Đối với Dự án Khu du lịch quốc tế cao cấp Tân Viên đã có văn bản của Sở Kế hoạch & Đầu tư Thành phố Hà Nội về việc chấm dứt hoạt động của Dự án và thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư. Đồng thời, trong năm Công ty không thực hiện được hoạt động kinh doanh nào mang lại doanh thu, tuy vậy Công ty đã thực hiện tái cơ cấu khoản đầu tư dẫn đến doanh thu tài chính và chi phí tài chính tăng lên đáng kể so với cùng kỳ năm trước. Từ đầu năm do không có nguồn kinh phí chi trả lương nên đến nay toàn bộ cán bộ nhân viên đã xin nghỉ việc.

Do đó, mặc dù có những dấu hiệu cho thấy sự tồn tại yếu tố không chắc chắn trọng yếu dẫn đến sự nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty nhưng Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 được Công ty trình bày trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác bao gồm: Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: Căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư vào công ty liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: Nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

2.6. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: Nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho cuối năm là Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.8. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | |
|-----------------------|--------|
| - Phương tiện vận tải | 06 năm |
| - Thiết bị văn phòng | 05 năm |
| - Phần mềm quản lý | 06 năm |

2.9. Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Theo các điều khoản thỏa thuận tại BCC, Công ty thực hiện kế toán cho BCC, ghi nhận toàn bộ doanh thu, chi phí và lợi nhuận sau thuế của BCC trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của mình. Chi phí của BCC bao gồm cả khoản lợi nhuận cố định trả cho các bên khác tham gia BCC.

Công ty thực hiện kế toán cho BCC và có nghĩa vụ thay mặt các bên khác thực hiện nghĩa vụ của BCC với Ngân sách Nhà nước, thực hiện quyết toán thuế và phân bổ lại nghĩa vụ này cho các bên khác theo thỏa thuận từ BCC.

2.10. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Chi phí bán hàng liên quan đến Dự án CT10 - 11 Văn Phú - Hà Đông được kết chuyển vào kết quả sản xuất kinh doanh khi dự án hoàn thành và bàn giao cho khách hàng.
- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 03 năm.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng 03 năm.

2.11. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.12. Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.13. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.14. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: Chi phí lãi tiền vay, chi phí kiểm toán, chi phí đo vẽ bản đồ được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.15. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và phải xử lý ghi giảm vốn điều lệ trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phiếu theo quy định tại Điều 134 của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và Điều 36 của Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 06/12/2019, trừ các trường hợp được pháp luật cho phép bán ra ngay sau khi mua lại hoặc xử lý số dư cổ phiếu quỹ đã mua trước ngày 01/01/2021.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.16. Doanh thu

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.17. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.19. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

2.20. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.21. Thông tin bộ phận

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh bất động sản và diễn ra tại Việt Nam, đồng thời Công ty đang trong quá trình đầu tư Dự án và chưa có Doanh thu từ dự án, chỉ có doanh thu từ hoạt động khác nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

| | 31/12/2022 | 01/01/2022 |
|---------------------------------|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Tiền mặt | 2.654.800 | - |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 431.664.098 | 529.466.405 |
| Các khoản tương đương tiền | 1.040.000.000 | 1.040.000.000 |
| | 1.474.318.898 | 1.569.466.405 |

Tại ngày 31/12/2022: Khoản tiền gửi không kỳ hạn và toàn bộ tiền gửi có kỳ hạn gốc dưới 3 tháng gửi tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương có số tiền lần lượt là: 415.586.636 đồng và 1.040.000.000 đồng đang bị phong tỏa do có cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty trong năm 2014 là người có liên quan đến Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương và Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương. Ngày 12 tháng 04 năm 2018, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã gửi Công văn số 134/TCKT-PVR, ngày 29 tháng 10 năm 2018 Ban Tổng Giám đốc Công ty tiếp tục gửi Công văn số 281/TCKT-PVR đề nghị mở tài khoản phong tỏa. Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá khoản tiền này sẽ thu hồi được trong tương lai khi có quyết định/hướng dẫn cụ thể của Ngân hàng Nhà nước. Do đó, tổn thất (nếu có) ảnh hưởng tới Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 là không trọng yếu. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc không trích lập dự phòng tổn thất tài sản cho khoản tiền bị phong tỏa này và tiếp tục trình bày khoản tiền này trên khoản mục tiền và tương đương tiền tại ngày 31/12/2022.

11/11/2022 10:10:10

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Chứng khoán kinh doanh

| | Mã chứng khoán | 31/12/2022 | | | 01/01/2022 | | |
|---|----------------|----------------------|----------------------|------------------------|----------------------|----------------------|------------------------|
| | | Giá gốc | Giá trị hợp lý | Dự phòng | Giá gốc | Giá trị hợp lý | Dự phòng |
| | | VND | VND | VND | VND | VND | VND |
| - Tổng giá trị cổ phiếu | | 5.427.075.622 | 1.606.080.000 | (3.820.995.622) | 5.427.075.622 | 2.523.840.000 | (2.903.235.622) |
| <i>Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Giáo dục</i> | <i>EFI</i> | 5.427.075.622 | 1.606.080.000 | (3.820.995.622) | 5.427.075.622 | 2.523.840.000 | (2.903.235.622) |
| | | 5.427.075.622 | 1.606.080.000 | (3.820.995.622) | 5.427.075.622 | 2.523.840.000 | (2.903.235.622) |

Giá trị hợp lý của các chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá đóng cửa của các chứng khoán này trên sàn UPCOM tại ngày 31/12/2021 và 31/12/2022.

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

| | Mã chứng khoán | 31/12/2022 | | | 01/01/2022 | | |
|---|----------------|------------------------|-------------------------|------------------------|------------------------|-------------------------|------------------------|
| | | Giá gốc | Dự phòng | Tỷ lệ quyền biểu quyết | Giá gốc | Dự phòng | Tỷ lệ quyền biểu quyết |
| | | VND | VND | % | VND | VND | % |
| Đầu tư vào Công ty liên kết | | 21.350.000.000 | (5.941.872.495) | | 21.350.000.000 | (5.941.872.495) | |
| - Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Việt Nam (i) | | 21.350.000.000 | (5.941.872.495) | 22,40% | 21.350.000.000 | (5.941.872.495) | 22,40% |
| Các khoản đầu tư khác | | 220.072.444.751 | (11.430.500.000) | | 227.182.444.751 | (5.153.000.000) | |
| - Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí IDICO (ii) | PXL | 5.220.000.000 | (2.662.200.000) | 0,63% | 12.000.000.000 | - | 1,45% |
| - Công ty Cổ phần Đầu tư PV2 (iii) | PV2 | 4.770.000.000 | (3.768.300.000) | 1,28% | 5.100.000.000 | (153.000.000) | 1,37% |
| - Công ty Cổ phần Khách sạn Dầu khí Lam Kinh (iv) | | 5.000.000.000 | (5.000.000.000) | 2,63% | 5.000.000.000 | (5.000.000.000) | 2,63% |
| - Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Bình An (v) | | 205.082.444.751 | - | 19,50% | 205.082.444.751 | - | 19,50% |
| | | 241.422.444.751 | (17.372.372.495) | | 248.532.444.751 | (11.094.872.495) | |

- (i) Khoản dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Việt Nam tại thời điểm 31/12/2022 được trích lập theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019.
- (ii) Trong kỳ, Công ty đã có giao dịch bán 678.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí IDICO (Mã chứng khoán: PXL) cho các nhà đầu tư khác theo hình thức khớp lệnh thị trường, tương đương tổng mệnh giá 6.780.000.000 VND, với giá là 12.665.740.000 VND. Sau giao dịch trên, tại ngày 31/12/2022, Công ty đang sở hữu 522.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí IDICO, tương đương tổng mệnh giá 2.557.800.000 VND, giá phí đầu tư của số cổ phần này là 5.220.000.000 VND.
- (iii) Trong kỳ, Công ty đã có giao dịch bán 33.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư PV2 (Mã chứng khoán: PV2) cho các nhà đầu tư khác theo hình thức khớp lệnh thị trường, tương đương tổng mệnh giá 330.000.000 VND, với giá là 278.200.000 VND. Sau giao dịch trên, tại ngày 31/12/2022, Công ty đang sở hữu 477.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư PV2, tương đương tổng mệnh giá 1.001.700.000 VND, giá phí đầu tư của số cổ phần này là 4.770.000.000 VND.
- (iv) Khoản dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Khách sạn Dầu khí Lam Kinh tại thời điểm 31/12/2022 được trích lập theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021.
- (v) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Bình An chưa được xem xét trích lập dự phòng do chưa thu thập được Báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2021 và thời điểm 31/12/2022.

Ngoài khoản đầu tư tại mục (ii) và (iii), Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Đầu tư vào công ty liên kết

Thông tin chi tiết về công ty liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2022 như sau:

| Tên công ty liên kết | Nơi thành lập và hoạt động | Tỷ lệ lợi ích | Tỷ lệ quyền biểu quyết | Hoạt động kinh doanh chính |
|---|----------------------------|---------------|------------------------|------------------------------------|
| Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Việt Nam | Hà Nội | 22% | 22% | Đầu tư kinh doanh và khai thác bất |

Đầu tư vào đơn vị khác: Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư vào đơn vị khác như sau:

| Tên công ty nhận đầu tư | Nơi thành lập và hoạt động | Tỷ lệ lợi ích | Tỷ lệ quyền biểu quyết | Hoạt động kinh doanh chính |
|--|----------------------------|---------------|------------------------|--------------------------------|
| Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí IDICO | Hồ Chí Minh | 0,63% | 0,63% | Xây dựng công trình dân dụng |
| Công ty Cổ phần Đầu tư PV2 | Hà Nội | 1,28% | 1,28% | Đầu tư kinh doanh bất động sản |
| Công ty Cổ phần Khách sạn Dầu khí Lam Kinh | Thanh Hóa | 2,63% | 2,63% | Kinh doanh khách sạn |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Bình An | Hà Nội | 19,50% | 19,50% | Đầu tư xây dựng |

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

| | 31/12/2022 | | 01/01/2022 | |
|---|-------------------|---------------------|--------------------|---------------------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| | VND | VND | VND | VND |
| <i>Bên liên quan</i> | - | - | - | - |
| <i>Bên khác</i> | 92.300.000 | (92.300.000) | 933.839.724 | (92.300.000) |
| - Công ty Cổ Phần Thiết kế Heerim - PVC | 92.300.000 | (92.300.000) | 92.300.000 | (92.300.000) |
| - Công ty Cổ phần Đầu tư MHD Vina | - | - | 841.539.724 | - |
| | 92.300.000 | (92.300.000) | 933.839.724 | (92.300.000) |

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

| | 31/12/2022 | | 01/01/2022 | |
|--|-----------------------|----------|-----------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| | VND | VND | VND | VND |
| <i>Bên liên quan</i> | - | - | - | - |
| <i>Bên khác</i> | 22.324.840.738 | - | 22.303.240.738 | - |
| - Trung tâm Giao dịch Đất đai và Phát triển quỹ đất Hà Nội | 1.278.263.456 | - | 1.278.263.456 | - |
| - Ban điều hành các Dự án của PVC tại Hà Nội | 9.475.374.339 | - | 9.475.374.339 | - |
| - Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sông Đà | 6.114.446.393 | - | 6.114.446.393 | - |
| - Công ty Cổ phần Đầu tư Văn Phú Building | 1.000.000.000 | - | 1.000.000.000 | - |
| - Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội | 1.000.000.000 | - | 1.000.000.000 | - |
| - Các khoản trả trước người bán khác | 3.456.756.550 | - | 3.435.156.550 | - |
| | 22.324.840.738 | - | 22.303.240.738 | - |

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

| | 31/12/2022 | | 01/01/2022 | |
|---|-----------------------|-------------------------|-----------------------|-------------------------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| | VND | VND | VND | VND |
| - Phải thu Công ty TNHH Kinh doanh nhà Vĩnh Hưng về việc hoàn tiền đã nộp do hủy hợp đồng mua nhà | 3.485.940.000 | (3.485.940.000) | 3.485.940.000 | (3.485.940.000) |
| - Phải thu về việc chuyển nhượng cổ phần tại Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Việt Nam | 9.900.000.000 | (9.900.000.000) | 9.900.000.000 | (9.900.000.000) |
| - Phải thu khác | 685.072.775 | - | 685.072.775 | - |
| | 14.071.012.775 | (13.385.940.000) | 14.071.012.775 | (13.385.940.000) |

8. NỢ XẤU

| | 31/12/2022 | | 01/01/2022 | |
|---|-----------------------|------------------------|-----------------------|------------------------|
| | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi |
| | VND | VND | VND | VND |
| - Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi | | | | |
| + Phải thu khách hàng | 92.300.000 | - | 92.300.000 | - |
| Công ty Cổ Phần Thiết kế Heerim - PVC | 92.300.000 | - | 92.300.000 | - |
| + Trả trước cho người bán | 22.324.840.738 | 22.324.840.738 | 22.303.240.738 | 22.303.240.738 |
| - Trung tâm Giao dịch Đất đai và Phát triển quỹ đất Hà Nội | 1.278.263.456 | 1.278.263.456 | 1.278.263.456 | 1.278.263.456 |
| - Ban điều hành các Dự án của PVC tại Hà Nội | 9.475.374.339 | 9.475.374.339 | 9.475.374.339 | 9.475.374.339 |
| - Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sông Đà | 6.114.446.393 | 6.114.446.393 | 6.114.446.393 | 6.114.446.393 |
| - Công ty Cổ phần Đầu tư Văn Phú Building | 1.000.000.000 | 1.000.000.000 | 1.000.000.000 | 1.000.000.000 |
| - Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội | 1.000.000.000 | 1.000.000.000 | 1.000.000.000 | 1.000.000.000 |
| - Các đối tượng khác | 3.456.756.550 | 3.456.756.550 | 3.435.156.550 | 3.435.156.550 |
| + Phải thu khác | 14.071.012.775 | 685.072.775 | 14.071.012.775 | 685.072.775 |
| Công ty TNHH Kinh doanh nhà Vĩnh Hưng | 3.485.940.000 | - | 3.485.940.000 | - |
| Ông Phạm Quốc Anh | 9.900.000.000 | - | 9.900.000.000 | - |
| Phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư NNP | 652.565.191 | 652.565.191 | 652.565.191 | 652.565.191 |
| Các đối tượng khác | 32.507.584 | 32.507.584 | 32.507.584 | 32.507.584 |
| | 36.488.153.513 | 23.009.913.513 | 36.466.553.513 | 22.988.313.513 |

9. HÀNG TỒN KHO

| | 31/12/2022 | | 01/01/2022 | |
|---|------------------------|----------|------------------------|----------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| | VND | VND | VND | VND |
| <i>Chi phí sản xuất kinh doanh các công trình xây lắp</i> | <i>692.664.848.246</i> | <i>-</i> | <i>692.664.848.246</i> | <i>-</i> |
| + Dự án chung cư CT10-11 Văn Phú, Hà Đông (i) | 692.664.848.246 | - | 692.664.848.246 | - |
| | 692.664.848.246 | - | 692.664.848.246 | - |

Dự án chung cư CT10-11 Văn Phú, Hà Đông

- Địa điểm xây dựng: Khu đô thị Văn Phú, quận Hà Đông, Thành Phố Hà Nội;
- Mục đích xây dựng: Xây dựng căn hộ chung cư phục vụ mục đích thương mại;
- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Đầu tư PVR Hà Nội;
- Nguồn vốn đầu tư: Góp vốn bằng tiền mặt theo từng giai đoạn;
- Quy mô của dự án: 7.023 m² bao gồm 2 Tòa nhà CT10, CT11 thuộc Khu đô thị Văn Phú. Dự án cao 39 tầng nổi và 3 tầng hầm;
- Tổng mức đầu tư: 1.439.185.242.000 đồng;
- Thời gian bắt đầu triển khai công trình và dự kiến hoàn thành: Khởi công dự án vào năm 2010, dự kiến hoàn thành vào Quý IV/2013;
- Tình trạng của dự án đến thời điểm 31/12/2022: Đang dừng triển khai do Công ty chưa thể thu xếp được nguồn vốn, khách hàng không tiếp tục nộp tiền.

10. XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

| | 31/12/2022 | 01/01/2022 |
|---|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| - Dự án Khu du lịch quốc tế cao cấp Ba Vì (i) | 24.918.942.700 | 24.918.942.700 |
| | <u>24.918.942.700</u> | <u>24.918.942.700</u> |

Dự án Khu du lịch quốc tế cao cấp Ba Vì

- Địa điểm xây dựng: Khu Hồ Suối Hai (thuộc 3 xã Cẩm Lĩnh, Tân Lĩnh, Thụy An), Huyện Ba Vì, Thành Phố Hà Nội;
- Mục đích xây dựng: Xây dựng Khu du lịch quốc tế cao cấp Tân Viên có quy mô tập trung và hiện đại, quy mô Quốc gia và Quốc tế;
- Chủ đầu tư: Công ty cổ phần Đầu tư PVR Hà Nội;
- Nguồn vốn đầu tư: Góp vốn bằng tiền mặt theo từng giai đoạn;
- Quy mô của dự án giai đoạn 1: 113 ha (tương đương với cốt +24,85m) bao gồm 01 sân golf 18 hố, các biệt thự nghỉ dưỡng, khu ẩm thực, khu vui chơi, khu tâm linh...;
- Tổng mức đầu tư: 2.565 tỷ đồng (theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 03121000162 ngày 29/11/2007);
- Thời gian bắt đầu triển khai công trình và dự kiến hoàn thành: Khởi công dự án vào năm 2007, dự kiến hoàn thành vào Quý IV/2016;
- Tình trạng của dự án đến thời điểm 31/12/2022: Ngày 20/07/2019, Công ty nhận được văn bản số 3753/KH&ĐT-NNS của Sở Kế hoạch và ĐT PT Thành phố Hà Nội về việc chấm dứt hoạt động dự án đầu tư xây dựng Khu du lịch cao cấp Tân Viên và thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư Dự án. Vì vậy Công ty đang dừng mọi hoạt động liên quan đến Dự án.

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

| | Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND | TSCĐ dùng trong quản lý VND | Cộng VND |
|-------------------------------|---|-----------------------------------|----------------------|
| Nguyên giá | | | |
| Số dư đầu kỳ | 1.554.894.000 | 761.362.677 | 2.316.256.677 |
| Số dư cuối kỳ | 1.554.894.000 | 761.362.677 | 2.316.256.677 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | |
| Số dư đầu kỳ | 1.554.894.000 | 746.746.119 | 2.301.640.119 |
| - Khấu hao trong kỳ | - | 14.616.558 | 14.616.558 |
| Số dư cuối kỳ | 1.554.894.000 | 761.362.677 | 2.316.256.677 |
| Giá trị còn lại | | | |
| Tại ngày đầu kỳ | - | 14.616.558 | 14.616.558 |
| Tại ngày cuối kỳ | - | - | - |

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 2.316.256.677 VND

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình của Công ty tại thời điểm 31/12/2022 là Giá trị phần mềm và Website Công ty có tổng Nguyên giá là 423.000.000 đồng đã hết khấu hao. Trong đó Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng là 423.000.000 đồng.

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

| | 31/12/2022 VND | 01/01/2022 VND |
|---|----------------------|----------------------|
| - Chi phí bán hàng cho dự án CT10 - 11 Văn Phú, Hà Đông | 7.336.844.946 | 7.336.844.946 |
| - Các khoản khác | 1.335.957 | 2.278.989 |
| | 7.338.180.903 | 7.339.123.935 |

14. CÁC KHOẢN VAY

| | 01/01/2022 | | Trong kỳ | | 31/12/2022 | |
|---------------------------------------|-----------------------|-----------------------|----------------------|----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Tăng | Giảm | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| | VND | VND | VND | VND | VND | VND |
| a) Vay ngắn hạn | | | | | | |
| - Vay ngắn hạn | 5.259.192.375 | 5.259.192.375 | 743.873.950 | 5.868.066.325 | 135.000.000 | 135.000.000 |
| + Ông Bùi Văn Phú | 2.186.257.225 | 2.186.257.225 | 743.873.950 | 2.795.131.175 | 135.000.000 | 135.000.000 |
| + Bà Trần Thị Thắm | 3.072.935.150 | 3.072.935.150 | - | 3.072.935.150 | - | - |
| - Vay và nợ dài hạn đến hạn trả | 11.673.670.000 | 11.673.670.000 | 2.935.512.695 | 808.873.950 | 13.800.308.745 | 13.800.308.745 |
| + Bà Bùi Thị Thu Thủy (1) | 11.673.670.000 | 11.673.670.000 | 2.935.512.695 | 808.873.950 | 13.800.308.745 | 13.800.308.745 |
| | 16.932.862.375 | 16.932.862.375 | 3.679.386.645 | 6.676.940.275 | 13.935.308.745 | 13.935.308.745 |
| b) Vay dài hạn | | | | | | |
| - Vay dài hạn | 20.067.110.111 | 20.067.110.111 | 231.981.000 | 6.498.782.366 | 13.800.308.745 | 13.800.308.745 |
| + Bà Bùi Thị Thu Thủy (1) | 20.067.110.111 | 20.067.110.111 | 231.981.000 | 6.498.782.366 | 13.800.308.745 | 13.800.308.745 |
| | 20.067.110.111 | 20.067.110.111 | 231.981.000 | 6.498.782.366 | 13.800.308.745 | 13.800.308.745 |
| Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng | (11.673.670.000) | (11.673.670.000) | (2.935.512.695) | (808.873.950) | (13.800.308.745) | (13.800.308.745) |
| Khoản đến hạn trả sau 12 tháng | 8.393.440.111 | 8.393.440.111 | | | - | - |

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác của Công ty như sau:

| | Hợp đồng vay | Loại tiền | Thời hạn vay | Lãi suất năm | Mục đích vay | Hình thức bảo đảm | 31/12/2022 | 01/01/2022 |
|------------------|----------------------------------|-----------|--------------|------------------------|---|-------------------|--------------------|----------------------|
| | | | | | | | VND | VND |
| Ông Bùi Văn Phú | 09/HĐ/2020/PVR ngày 14/09/2020 | VND | 12 tháng | Theo từng giấy nhận nợ | Duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty | Tín chấp | - | 2.186.257.225 |
| Bà Trần Thị Thắm | 02/HĐ/2021/PVR ngày 15/03/2021 | VND | 12 tháng | Theo từng giấy nhận nợ | Duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty | Tín chấp | - | 1.072.935.150 |
| Bà Trần Thị Thắm | 03/HĐ/2021/PVR ngày 06/04/2021 | VND | 12 tháng | Theo từng giấy nhận nợ | Duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty | Tín chấp | - | 2.000.000.000 |
| Ông Bùi Văn Phú | 01/2022/HĐVT-PVR ngày 18/03/2022 | VND | 12 tháng | Theo từng giấy nhận nợ | Duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty | Tín chấp | 135.000.000 | - |
| | | | | | | | 135.000.000 | 5.259.192.375 |

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

Điều khoản và điều kiện của khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

| | Hợp đồng vay | Loại tiền | Thời hạn vay | Lãi suất năm | Mục đích vay | Hình thức bảo đảm | 31/12/2022 | 01/01/2022 |
|---------------------|---|-----------|--------------|----------------------|---|-------------------|-------------|---------------|
| | | | | | | | VND | VND |
| Bà Bùi Thị Thu Thủy | 2611/HĐ/2018/PVR ngày 26/11/2018; 169/PL/2020/PVR ngày 31/12/2020 | VND | 72 tháng | Theo khế ước nhận nợ | Đền bù giải phóng mặt bằng đợt 3 - Dự án Khu du lịch cao cấp quốc tế Ba Vì | (a) | - | 4.516.358.239 |
| Bà Bùi Thị Thu Thủy | 3010/HĐ/2018/PVR ngày 30/10/2018; 168/PL/2020/PVR ngày 31/12/2020 | VND | 72 tháng | Theo khế ước nhận nợ | Mua sắm Máy móc thiết bị để chuẩn bị phục vụ thi công Dự án Khu du lịch quốc tế cao cấp Ba Vì tại huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội | Tín chấp | 144.657.745 | 2.127.081.872 |

| | Hợp đồng vay | Loại tiền | Thời hạn vay | Lãi suất năm | Mục đích vay | Hình thức bảo đảm | 31/12/2022 VND | 01/01/2022 VND |
|---------------------------------------|--------------------------------------|-----------|--------------|------------------------|---|-------------------|-----------------------|-----------------------|
| Bà Bùi Thị Thu Thủy | 2201/HĐ/2019/PV R ngày 21/01/2019 | VND | 36 tháng | Theo kế ước nhận nợ | Chi trả các chi phí phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty | Tín chấp | 1.993.670.000 | 1.993.670.000 |
| Bà Bùi Thị Thu Thủy | 1802/HĐ/2019/PV R ngày 18/02/2019 | VND | 36 tháng | Theo kế ước nhận nợ | Mua sắm Máy móc thiết bị để chuẩn bị phục vụ thi công Dự án Khu du lịch quốc tế cao cấp Ba Vì tại huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội | Tín chấp | 2.340.000.000 | 2.340.000.000 |
| Bà Bùi Thị Thu Thủy | 0503/HĐ/2019/PV R ngày 05/03/2019 | VND | 36 tháng | Theo kế ước nhận nợ | Mua sắm Máy móc thiết bị để chuẩn bị phục vụ thi công Dự án Khu du lịch quốc tế cao cấp Ba Vì tại huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội | Tín chấp | 4.000.000.000 | 4.000.000.000 |
| Bà Bùi Thị Thu Thủy | 1507/HĐ/2019/PV R ngày 15/07/2019 | VND | 36 tháng | Theo kế ước nhận nợ | Vay để trả nốt tiền mua sắm máy móc, thiết bị theo hợp đồng số 2202/2019/HĐ-TCMB/MBTB và 2102/2019/HĐ-TCID/MBTB để phục vụ thi công Dự án Khu du lịch quốc tế cao cấp Ba Vì tại huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội | Tín chấp | 2.340.000.000 | 2.340.000.000 |
| Bà Bùi Thị Thu Thủy | 2510/HĐ/2019/PV R ngày 25/10/2019 | VND | 36 tháng | Theo kế ước nhận nợ | Duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty | Tín chấp | 1.000.000.000 | 1.000.000.000 |
| Bà Bùi Thị Thu Thủy | 01/HĐ/2020/PVR ngày 10/02/2020 | VND | 36 tháng | Theo kế ước nhận nợ | Duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty | Tín chấp | 1.750.000.000 | 1.750.000.000 |
| Bà Bùi Thị Thu Thủy | 02/HĐ/2022/HĐV T-PVR | USD | 12 tháng | Theo kế ước nhận nợ | Duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty | Tín chấp | 231.981.000 | - |
| | | | | | | | 13.800.308.745 | 20.067.110.111 |
| Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng | | | | | | | (13.800.308.745) | (11.673.670.000) |
| Khoản đến hạn trả sau 12 tháng | | | | | | | - | 8.393.440.111 |

(a) Khoản vay được bảo lãnh bằng toàn bộ Hồ sơ gốc liên quan đến giao dịch thỏa thuận/văn bản nhận chuyển nhượng tài sản gắn liền với đất và nhận khoản lại quyền sử dụng đất thuộc phạm vi Dự án;

c) Các khoản vay và nợ thuê tài chính đối với các bên liên quan

| | Mối quan hệ | 31/12/2022 | | 01/01/2022 | |
|-----------------------|---------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|----------------------|
| | | Gốc | Lãi phải trả | Gốc | Lãi phải trả |
| | | VND | VND | VND | VND |
| Vay | | | | | |
| - Ông Bùi Văn Phú | Chủ tịch HĐQT | 13.935.308.745 | 3.880.913.275 | 25.326.302.486 | 2.604.128.184 |
| - Bà Trần Thị Thắm | Cổ đông lớn | 135.000.000 | 5.782.192 | 2.186.257.225 | 106.115.354 |
| - Bà Bùi Thị Thu Thủy | Cổ đông lớn | - | - | 3.072.935.150 | 247.982.037 |
| | | 13.800.308.745 | 3.875.131.083 | 20.067.110.111 | 2.250.030.793 |
| | | 13.935.308.745 | 3.880.913.275 | 25.326.302.486 | 2.604.128.184 |

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

| | 31/12/2022 | | 01/01/2022 | |
|---|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| | VND | VND | VND | VND |
| a) Ngắn hạn | | | | |
| <i>Bên liên quan</i> | - | - | - | - |
| <i>Bên khác</i> | 48.140.145.285 | 48.140.145.285 | 48.132.353.445 | 48.132.353.445 |
| - Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sông Đà | 14.432.195.203 | 14.432.195.203 | 14.432.195.203 | 14.432.195.203 |
| - Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí | 12.800.000.000 | 12.800.000.000 | 12.800.000.000 | 12.800.000.000 |
| - Công ty Cổ phần Đầu tư Văn Phú - Invest | 10.000.000.000 | 10.000.000.000 | 10.000.000.000 | 10.000.000.000 |
| - Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Hạ Tầng Đô thị UDIC - Công ty TNHH MTV | 3.512.730.039 | 3.512.730.039 | 3.512.730.039 | 3.512.730.039 |
| - Công ty Cổ phần Đầu tư Văn Phú Building | 1.785.974.407 | 1.785.974.407 | 1.785.974.407 | 1.785.974.407 |
| - Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh NDP | 4.800.000.000 | 4.800.000.000 | 4.800.000.000 | 4.800.000.000 |
| - Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Hương Giang | 428.806.000 | 428.806.000 | 428.806.000 | 428.806.000 |
| - Phải trả các đối tượng khác | 380.439.636 | 380.439.636 | 372.647.796 | 372.647.796 |
| | 48.140.145.285 | 48.140.145.285 | 48.132.353.445 | 48.132.353.445 |
| b) Số nợ quá hạn chưa thanh toán | | | | |
| - Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sông Đà | 14.432.195.203 | 14.432.195.203 | 14.432.195.203 | 14.432.195.203 |
| - Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí | 12.800.000.000 | 12.800.000.000 | 12.800.000.000 | 12.800.000.000 |
| - Công ty Cổ phần Đầu tư Văn Phú - Invest | 10.000.000.000 | 10.000.000.000 | 10.000.000.000 | 10.000.000.000 |
| - Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Hạ Tầng Đô thị UDIC - Công ty TNHH MTV | 3.512.730.039 | 3.512.730.039 | 3.512.730.039 | 3.512.730.039 |
| - Công ty Cổ phần Đầu tư Văn Phú Building | 1.785.974.407 | 1.785.974.407 | 1.785.974.407 | 1.785.974.407 |
| - Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh NDP | 4.800.000.000 | 4.800.000.000 | 4.800.000.000 | 4.800.000.000 |
| - Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Hương Giang | 428.806.000 | 428.806.000 | 428.806.000 | 428.806.000 |
| - Phải trả các đối tượng khác | 339.299.867 | 339.299.867 | 339.299.867 | 339.299.867 |
| | 48.099.005.516 | 48.099.005.516 | 48.099.005.516 | 48.099.005.516 |

16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

| | 31/12/2022 | 01/01/2022 |
|---|-------------------------------|-------------------------------|
| | VND | VND |
| <i>Bên liên quan</i> | - | - |
| <i>Bên khác</i> | 256.613.468.331 | 257.358.468.331 |
| - Khách hàng ứng trước mua căn hộ tại Dự án chung cư CT10-11 Văn Phú, Hà Đông | 256.613.468.331 | 256.613.468.331 |
| - Công ty Cổ phần Giống Gia cầm Ba Vì trả trước tiền mua máy móc thanh lý | - | 745.000.000 |
| | <u>256.613.468.331</u> | <u>257.358.468.331</u> |

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

| | Số phải thu đầu kỳ | Số phải nộp đầu kỳ | Số phải nộp trong kỳ | Số đã thực nộp trong kỳ | Số phải thu cuối kỳ | Số phải nộp cuối kỳ |
|------------------------------|-----------------------|-----------------------|-------------------------|----------------------------|------------------------|------------------------|
| | VND | VND | VND | VND | VND | VND |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp | - | 1.077.699.583 | - | - | - | 1.077.699.583 |
| - Thuế thu nhập cá nhân | - | - | 50.879.455 | 50.879.455 | - | - |
| - Các loại thuế khác | - | - | 4.000.000 | 4.000.000 | - | - |
| | - | 1.077.699.583 | 54.879.455 | 54.879.455 | - | 1.077.699.583 |

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

| | 31/12/2022 | 01/01/2022 |
|--|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| a) Chi phí phải trả ngắn hạn | | |
| - Chi phí lãi vay | 3.880.913.275 | 3.445.667.908 |
| - Chi phí đo vẽ bản đồ theo HĐ 05-2017 ngày 24/12/2017 | 1.104.927.273 | 1.104.927.273 |
| - Chi phí phải trả khác | 183.764.551 | 183.764.551 |
| | 5.169.605.099 | 4.734.359.732 |

b) Trong đó: Bên liên quan

| | | |
|-----------------------|----------------------|----------------------|
| - Ông Bùi Văn Phú | 5.782.192 | 106.115.354 |
| - Bà Trần Thị Thắm | - | 247.982.037 |
| - Bà Bùi Thị Thu Thủy | 3.875.131.083 | 2.250.030.793 |
| | 3.880.913.275 | 2.604.128.184 |

19. PHẢI TRẢ KHÁC

| | 31/12/2022 | 01/01/2022 |
|--|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| a) Ngắn hạn | | |
| - Kinh phí công đoàn | 13.525.856 | 13.525.856 |
| - Nhận tiền góp vốn vào Dự án chung cư CT10-11 Văn Phú, Hà Đông | 1.396.406.026 | 1.396.406.026 |
| - Phải trả cổ tức năm 2010 và năm 2011 cho một số cổ đông | 18.488.920.850 | 18.488.920.850 |
| - Phải trả Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC) về việc mua cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVCI) | 18.000.000.000 | 18.000.000.000 |
| - Phải trả Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Bình An về việc kế thừa nghĩa vụ khi chuyển nhượng cổ phần với Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương (i) | 105.872.468.579 | 105.872.468.579 |
| - Phải trả Công ty Cổ phần Tập Đoàn Việt Long góp vốn Dự án chung cư CT10 -11 Văn Phú Hà Đông (ii) | 13.509.761.500 | 13.509.761.500 |
| - Phải trả Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn góp vốn Dự án chung cư CT10 -11 Văn Phú Hà Đông (iii) | 27.300.000.000 | 27.300.000.000 |
| - Phải trả khác | 3.041.964.233 | 2.296.964.233 |
| | 187.623.047.044 | 186.878.047.044 |

b) Trong đó: Số nợ quá hạn chưa thanh toán

| | | |
|--|------------------------|------------------------|
| - Nhận tiền góp vốn vào Dự án chung cư CT10 -11 Văn Phú Hà Đông | 1.396.406.026 | 1.396.406.026 |
| - Phải trả cổ tức năm 2010 và năm 2011 cho một số cổ đông | 18.488.920.850 | 18.488.920.850 |
| - Phải trả Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC) về việc mua cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVCI) | 18.000.000.000 | 18.000.000.000 |
| - Phải trả Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Bình An về việc kế thừa nghĩa vụ khi chuyển nhượng cổ phần với Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương | 105.872.468.579 | 105.872.468.579 |
| - Công ty Cổ phần Giống Gia cầm Ba Vì trả trước tiền mua máy móc thanh lý | 745.000.000 | - |
| - Các khoản phải trả, phải nộp khác | 2.296.964.233 | 2.296.964.233 |
| | 146.799.759.688 | 146.054.759.688 |

(i): Phản ánh số tiền Công ty còn phải thanh toán thay cho một số công ty thay cho Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Bình An theo biên bản thanh lý hợp đồng chuyển nhượng cổ phần sau khi bù trừ đi các khoản tiền Công ty phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Bình An. Tính đến thời điểm 31/12/2022, Ban lãnh đạo Công ty hiện nay chưa nhận được bất cứ thông báo nào từ Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Bình An và chưa được tham gia bất kỳ một kỳ họp cổ đông nào từ Công ty Bình An.

(ii): Theo Hợp đồng số 22/2011/HTĐT/PVR_VL ngày 04/07/2011 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư PVR Hà Nội và Công ty Cổ phần Tập đoàn Việt Long về việc Hợp tác Đầu tư thực hiện Dự án Văn Phú Hà Đông với các nội dung chính sau:

- Tổng mức đầu tư Dự án là: 1.439.185.242.000 đồng;
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Việt Long góp 10%;
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Việt Long được hưởng kết quả kinh doanh và chịu rủi ro tương ứng với 10% Doanh thu từ kinh doanh sản phẩm của Dự án sau khi trừ đi thuế theo quy định của Nhà nước, phí, lệ phí làm thủ tục đăng ký kinh doanh cho người mua, 2% phí bảo trì, bảo dưỡng và khoảng 2% phí bán hàng;
- Tính đến thời điểm 31/12/2022 Công ty Cổ phần Đầu tư PVR Hà Nội đã nhận được khoản vốn góp thực hiện Dự án từ Công ty Cổ phần Tập đoàn Việt Long là: 13.509.761.500 đồng. Hiện tại dự án đang tạm dừng triển khai do Công ty Cổ phần Đầu tư PVR Hà Nội đang tiếp tục tìm kiếm đối tác để góp vốn triển khai dự án.

(iii): Theo Hợp đồng 17/VP/HTĐT/PVR_PVC.SG ngày 01/04/2011 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư PVR Hà Nội và Công ty Cổ phần Đầu tư & Xây lắp Dầu khí Sài Gòn về việc hợp tác đầu tư thực hiện Dự án Văn Phú Hà Đông với các nội dung chính sau:

- Tổng mức đầu tư Dự án là: 1.439.185.242.000 đồng;
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn góp 19,5%;
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn được hưởng kết quả kinh doanh và chịu rủi ro tương ứng với 19,5% Doanh thu từ kinh doanh sản phẩm của Dự án sau khi trừ đi thuế theo quy định của Nhà nước, phí, lệ phí làm thủ tục đăng ký kinh doanh cho người mua, 2% phí bảo trì, bảo dưỡng và khoảng 2% phí bán hàng;
- Tính đến thời điểm 31/12/2022 Công ty Cổ phần Đầu tư PVR đã nhận được khoản vốn góp thực hiện Dự án từ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn là: 27.300.000.000 đồng. Hiện tại dự án đang tạm dừng triển khai do Công ty Cổ phần Đầu tư PVR Hà Nội đang tiếp tục tìm kiếm đối tác để góp vốn triển khai dự án.

20 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

| | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Cổ phiếu quỹ | Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận chưa phân phối | Cộng |
|---------------------|------------------------------|-------------------------|------------------|----------------------------------|--------------------------|-----------------------------|-----------------|
| | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND |
| Số dư đầu kỳ trước | 531.009.130.000 | 11.788.944.000 | (10.507.397.490) | 4.378.477.974 | 10.687.396.552 | (78.286.673.422) | 469.069.877.614 |
| Lãi trong kỳ trước | - | - | - | - | - | 1.719.742.964 | 1.719.742.964 |
| Số dư cuối kỳ trước | 531.009.130.000 | 11.788.944.000 | (10.507.397.490) | 4.378.477.974 | 10.687.396.552 | (76.566.930.458) | 470.789.620.578 |
| Số dư đầu kỳ này | 531.009.130.000 | 11.788.944.000 | (10.507.397.490) | 4.378.477.974 | 10.687.396.552 | (76.566.930.458) | 470.789.620.578 |
| Lỗ trong kỳ này | - | - | - | - | - | (3.826.198.330) | (3.826.198.330) |
| Số dư cuối kỳ này | 531.009.130.000 | 11.788.944.000 | (10.507.397.490) | 4.378.477.974 | 10.687.396.552 | (80.393.128.788) | 466.963.422.248 |

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

| | Cuối kỳ VND | Tỷ lệ % | Đầu kỳ VND | Tỷ lệ % |
|---|------------------------|----------------|------------------------|----------------|
| - Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương | 31.850.000.000 | 6,00% | 44.600.000.000 | 8,40% |
| - Công ty TNHH VNT | 21.519.800.000 | 4,05% | 21.519.800.000 | 4,05% |
| - Công ty Cổ phần quản lý quỹ PVI | 43.500.000.000 | 8,19% | 43.500.000.000 | 8,19% |
| - Ngân hàng TM TNHH MTV Dầu khí Toàn cầu | 30.000.000.000 | 5,65% | 30.000.000.000 | 5,65% |
| - Công ty TNHH MHD Golf | 27.059.000.000 | 5,10% | 27.059.000.000 | 5,10% |
| - Ông Bùi Văn Phú | 27.155.200.000 | 5,11% | 27.155.200.000 | 5,11% |
| - Bà Bùi Thị Thu Thủy | 28.080.000.000 | 5,29% | 28.080.000.000 | 5,29% |
| - Bà Trần Thị Thắm | 124.830.000.000 | 23,51% | 124.830.000.000 | 23,51% |
| - Cổ đông khác | 185.073.130.000 | 34,85% | 172.323.130.000 | 32,45% |
| - Cổ phiếu quỹ | 11.942.000.000 | 2,25% | 11.942.000.000 | 2,25% |
| | 531.009.130.000 | 100,00% | 531.009.130.000 | 100,00% |

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

| | Năm 2022 VND | Năm 2021 VND |
|---------------------------|-----------------|-----------------|
| Vốn đầu tư của chủ sở hữu | | |
| - <i>Vốn góp đầu kỳ</i> | 531.009.130.000 | 531.009.130.000 |
| - <i>Vốn góp cuối kỳ</i> | 531.009.130.000 | 531.009.130.000 |

d) Cổ phiếu

| | 31/12/2022 | 01/01/2022 |
|--|------------|------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 53.100.913 | 53.100.913 |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ | 53.100.913 | 53.100.913 |
| - <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | 53.100.913 | 53.100.913 |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 53.100.913 | 53.100.913 |
| - <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | 53.100.913 | 53.100.913 |
| Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: | 10.000 | 10.000 |

e) Các quỹ của Công ty

| | 31/12/2022 VND | 01/01/2022 VND |
|---------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| - Quỹ đầu tư phát triển | 10.687.396.552 | 10.687.396.552 |
| - Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 4.378.477.974 | 4.378.477.974 |
| | 15.065.874.526 | 15.065.874.526 |

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

| | Năm 2022 VND | Năm 2021 VND |
|----------------------------|----------------------|-------------------|
| Lãi tiền gửi, tiền cho vay | 30.622.763 | 30.840.955 |
| Lãi bán các khoản đầu tư | 5.885.740.000 | - |
| | 5.916.362.763 | 30.840.955 |

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

| | Năm 2022 | Năm 2021 |
|---|----------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Lãi tiền vay | 1.771.853.199 | 2.698.133.975 |
| Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính | 51.800.000 | - |
| Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư | 7.195.260.000 | (4.793.680.000) |
| Chi phí tài chính khác | 20.263.669 | - |
| | 9.039.176.868 | (2.095.546.025) |

23. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

| | Năm 2022 | Năm 2021 |
|----------------------------------|--------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 7.083.492 | 7.687.000 |
| Chi phí nhân công | 387.480.000 | 1.103.610.000 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 14.616.558 | 32.281.820 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 105.138.160 | 185.379.701 |
| Chi phí khác bằng tiền | 189.066.015 | 194.476.752 |
| | 703.384.225 | 1.523.435.273 |

24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

| | Năm 2022 | Năm 2021 |
|--|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN | (3.826.198.330) | 1.719.742.964 |
| Các khoản điều chỉnh tăng | 1.741.230.436 | 1.655.634.163 |
| - Chi phí lãi vay không tính vào chi phí được trừ | 1.741.230.436 | 1.187.484.525 |
| - Chi phí khấu hao TSCĐ không tham gia sản xuất kinh doanh trong năm | - | 368.149.638 |
| - Chi phí không được trừ | - | 100.000.000 |
| Các khoản điều chỉnh giảm | - | (3.375.377.127) |
| - Chuyển lỗ các năm trước | - | (3.375.377.127) |
| Thu nhập chịu thuế TNDN | (2.084.967.894) | - |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%) | - | - |
| Thuế TNDN phải nộp đầu kỳ | 1.077.699.583 | 1.077.699.583 |
| Thuế TNDN đã nộp trong kỳ | - | - |
| Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ | 1.077.699.583 | 1.077.699.583 |

25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

| | Năm 2022 | Năm 2021 |
|---|-----------------|---------------|
| | VND | VND |
| Lợi nhuận thuần sau thuế | (3.826.198.330) | 1.719.742.964 |
| Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông | (3.826.198.330) | 1.719.742.964 |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ | 51.906.713 | 51.906.713 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | (74) | 33 |

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

| | Năm 2022 | Năm 2021 |
|----------------------------------|--------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 7.083.492 | 7.687.000 |
| Chi phí nhân công | 387.480.000 | 1.145.890.000 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 14.616.558 | 32.281.820 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 105.138.160 | 185.379.701 |
| Chi phí khác bằng tiền | 189.066.015 | 194.476.752 |
| | 703.384.225 | 1.565.715.273 |

27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động giá thị trường và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

| | Từ 1 năm trở xuống | Trên 1 năm đến 5 năm | Trên 5 năm | Cộng |
|----------------------------|-----------------------|-------------------------|------------|-----------------------|
| | VND | VND | VND | VND |
| Tại ngày 31/12/2022 | | | | |
| Đầu tư ngắn hạn | 1.606.080.000 | - | - | 1.606.080.000 |
| Đầu tư dài hạn | - | 3.559.500.000 | - | 3.559.500.000 |
| | 1.606.080.000 | 3.559.500.000 | - | 5.165.580.000 |
| Tại ngày 01/01/2022 | | | | |
| Đầu tư ngắn hạn | 2.523.840.000 | - | - | 2.523.840.000 |
| Đầu tư dài hạn | - | 16.947.000.000 | - | 16.947.000.000 |
| | 2.523.840.000 | 16.947.000.000 | - | 19.470.840.000 |

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

| | Từ 1 năm trở xuống | Trên 1 năm đến 5 năm | Trên 5 năm | Cộng |
|------------------------------------|-----------------------|-------------------------|------------|----------------------|
| | VND | VND | VND | VND |
| Tại ngày 31/12/2022 | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 1.474.318.898 | - | - | 1.474.318.898 |
| Phải thu khách hàng, phải thu khác | 685.072.775 | - | - | 685.072.775 |
| | 2.159.391.673 | - | - | 2.159.391.673 |
| Tại ngày 01/01/2022 | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 1.569.466.405 | - | - | 1.569.466.405 |
| Phải thu khách hàng, phải thu khác | 1.526.612.499 | - | - | 1.526.612.499 |
| | 3.096.078.904 | - | - | 3.096.078.904 |

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

| | Từ 1 năm trở xuống | Trên 1 năm đến 5 năm | Trên 5 năm | Cộng |
|-----------------------------------|------------------------|-------------------------|------------|------------------------|
| | VND | VND | VND | VND |
| Tại ngày 31/12/2022 | | | | |
| Vay và nợ | 13.935.308.745 | - | - | 13.935.308.745 |
| Phải trả người bán, phải trả khác | 235.763.192.329 | - | - | 235.763.192.329 |
| Chi phí phải trả | 5.169.605.099 | - | - | 5.169.605.099 |
| | 254.868.106.173 | - | - | 254.868.106.173 |
| Tại ngày 01/01/2022 | | | | |
| Vay và nợ | 16.932.862.375 | 8.393.440.111 | - | 25.326.302.486 |
| Phải trả người bán, phải trả khác | 235.010.400.489 | - | - | 235.010.400.489 |
| Chi phí phải trả | 4.734.359.732 | - | - | 4.734.359.732 |
| | 256.677.622.596 | 8.393.440.111 | - | 265.071.062.707 |

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

28. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

a) Các khoản tiền và tương đương tiền do Công ty nắm giữ nhưng không được sử dụng

| | Năm 2022 | Năm 2021 |
|--|---------------|---------------|
| | VND | VND |
| Các khoản tiền và tương đương tiền do Công ty nắm giữ nhưng không được sử dụng (Chi tiết tại thuyết minh số 03) | 1.455.586.636 | 1.425.314.203 |

b) Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

| | | |
|--|-------------|----------------|
| Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường; | 975.854.950 | 10.842.192.375 |
|--|-------------|----------------|

c) Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

| | | |
|---|----------------|----------------|
| Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường; | 12.366.848.691 | 13.179.778.000 |
|---|----------------|----------------|

29. THÔNG TIN KHÁC

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, Công ty đang có tranh chấp đối với một số vụ kiện, thông tin cụ thể như sau:

a) Vụ kiện liên quan đến trả cổ tức và lãi chậm trả cho Ngân hàng thương mại TNHH MTV Đại Dương:

+ Năm 2011 Công ty phát sinh khoản phải trả cổ tức cho cổ đông lúc bấy giờ là Ngân hàng thương mại TNHH MTV Đại Dương. Tuy nhiên, Công ty không thực hiện chi trả ngay tiền cổ tức. Tổng số dư phải trả trên Báo cáo tài chính liên quan đến khoản cổ tức này là 6.000.0000.000 đồng.

+ Vào ngày 11/01/2021 Tòa án Nhân dân Quận Thanh Xuân đưa ra Thông báo số 07/TB - TLVA về việc thụ lý vụ án. Tòa án Nhân dân Quận Thanh Xuân đã đưa ra thông báo vào ngày 07/04/2021 về việc: Tiến hành phiên họp để kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải giữa hai đương sự là Ngân hàng thương mại TNHH MTV Đại Dương và Công ty Cổ phần Đầu tư PVR Hà Nội.

+ Ngân hàng thương mại TNHH MTV Đại Dương và Công ty Cổ phần Đầu tư PVR Hà Nội không tiến hành hòa giải được. Đồng thời Công ty Cổ phần Đầu tư PVR Hà Nội cũng có đơn kháng cáo ngược lại, Tòa án Nhân dân Thành phố Hà Nội đã quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm theo quyết định số 235/2022/QĐ-PT ngày 10/06/2022. Đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này, hai bên vẫn đang tiếp tục làm việc để giải quyết. Do đó khoản lãi trả chậm chưa được Công ty ghi nhận trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

b) Vụ kiện liên quan đến trả cổ tức và công nợ chuyển nhượng cổ phần với Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC):

+ Tại ngày 11/11/2021, Công ty nhận được đơn khởi kiện từ Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam đến Tòa án Nhân dân Quận Thanh Xuân với nội dung như sau:

Khởi kiện về khoản công nợ chuyển nhượng cổ phần tại PVR theo hợp đồng số 76/2011 số tiền là 18.000.000.000 đồng. Theo điều khoản trên hợp đồng, trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ký Hợp đồng, PVR phải tạm ứng số tiền 5.400.000.000 đồng cho PVC để PVC hoàn tất thủ tục chuyển nhượng ghi nhận PVR vào danh sách cổ đông của PVCI. Tuy nhiên PVR chưa thực hiện khoản tạm ứng trên theo Hợp đồng nhưng PVC vẫn hoàn thành nghĩa vụ chuyển nhượng cổ phần sang cho PVR. Kể từ ngày ký Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần trên, Ban lãnh đạo PVR hiện nay chưa nhận được bất cứ thông báo nào từ PVCI và chưa được tham gia bất kỳ một kỳ họp cổ đông nào từ PVCI.

Khởi kiện về công nợ cổ tức năm 2011 với số tiền là 5.575.990.000 đồng. Năm 2011 PVC là cổ đông của PVCR (hiện nay là Công ty Cổ phần Đầu tư PVR Hà Nội), theo nghị quyết số 368/NĐ-PVCR-ĐHĐCĐ ngày 21/12/2011 của Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2011 của PVCR có thông qua nội dung chi trả cổ tức năm 2011 bằng tiền với tỷ lệ 5% cổ phần. Do đó PVC được hưởng số cổ tức năm 2011 tại PVCR là 9.075.990.000 đồng. Ngày 16/02/2013, PVR đã trả PVC một phần cổ tức năm 2011 là 3.500.000.000 đồng. Số tiền cổ tức năm 2011 PVR còn nợ PVC là 5.575.990.000 đồng.

+ Đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này, hai bên vẫn đang tiếp tục làm việc để giải quyết. Do đó các chi phí có thể phát sinh chưa được Công ty ước tính ghi nhận trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

30. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

31. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Ngoài các giao dịch và số dư với bên liên quan đã trình bày ở các thuyết minh nêu trên, trong năm Công ty còn phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác nhau sau:

| | Chức vụ | Năm 2022 | Năm 2021 |
|---|-----------------|--------------------|--------------------|
| | | VND | VND |
| Thu nhập của người quản lý chủ chốt | | | |
| Thù lao thành viên Hội đồng Quản trị | | | |
| - Bùi Văn Phú | Chủ tịch HĐQT | 90.000.000 | 270.000.000 |
| - Đỗ Duy Điền | Thành viên HĐQT | 30.000.000 | 75.000.000 |
| - Trần Ngọc Bảy | Thành viên HĐQT | 30.000.000 | 75.000.000 |
| | | 150.000.000 | 420.000.000 |

| | Chức vụ | Năm 2022 VND | Năm 2021 VND |
|--|--------------------------------|-------------------|--------------------|
| Thu nhập của người quản lý chủ chốt | | | |
| Thù lao thành viên Ban kiểm soát | | | |
| - Khúc Thị Thanh Trâm | Trưởng ban Kiểm soát kiểm soát | 30.000.000 | 75.000.000 |
| - Đỗ Thị Hương | Thành viên kiểm soát | - | - |
| - Phạm Thu Thảo My | Thành viên kiểm soát | - | 36.000.000 |
| - Phạm Văn Quyết | Thành viên kiểm soát | 18.000.000 | 54.000.000 |
| | | 48.000.000 | 165.000.000 |
| Tiền lương của Tổng Giám đốc | | | |
| - Đỗ Duy Điền | Tổng Giám Đốc | 54.200.000 | 194.880.000 |
| | | 54.200.000 | 194.880.000 |

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với Công ty.

32. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Người lập biểu

Khúc Thị Thanh Huyền

Kế toán trưởng

Khúc Thị Thanh Huyền

Hà Nội, ngày 01 tháng 03 năm 2023

Tổng Giám Đốc



Đỗ Duy Điền